

## TẠP A-HÀM QUYẾN 14

KINH 343. PHÙ-DI<sup>1</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Tỳ-kheo Phù-di<sup>2</sup> ở tại núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy có một số đông chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả Phù-di, cùng chào hỏi và chúc tụng nhau. Sau khi chào hỏi và chúc tụng nhau, rồi ngồi qua một bên, nói với Tôn giả Phù-di:

“Chúng tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh thì giờ giải đáp cho không?”

Tôn giả Phù-di bảo các xuất gia ngoại đạo:

“Tùy theo những gì các vị hỏi, tôi sẽ trả lời các vị.”

Lúc ấy, chúng xuất gia ngoại đạo hỏi Tôn giả Phù-di:

“Khổ lạc có phải là do tự tác không?”<sup>3</sup>

Tôn giả Phù-di đáp:

“Này các vị xuất gia ngoại đạo, nói ‘khổ lạc là do tự tác’; điều này Đức Thế Tôn bảo, ‘Ta không khẳng định’.”

Lại hỏi:

“Khổ lạc có phải là do tha nhân tác không?”

Đáp:

“Khổ lạc là do tha nhân tác; điều này Đức Thế Tôn bảo ‘Ta không khẳng định’.”

Lại hỏi:

“Khổ lạc có phải là do vừa tự vừa tha nhân tác không?”

Đáp:

“Khổ lạc là do vừa tự vừa tha nhân tác; những điều này Đức Thế Tôn bảo ‘Ta không khẳng định’.”

Lại hỏi:

<sup>1</sup>. Pāli, S. 12. 24. Aññatitthiyā; 25. Bhūmija.

<sup>2</sup>. Phù-di 浮彌. Pāli: Bhūmija, lúc bấy giờ ở tại Sāvatthi (S. 12. 25).

<sup>3</sup>. Pāli: sayamkatañ dukkham, khổ do tự mình tạo ra.

<sup>4</sup>. Hán: ký thuyết 記說.

“Khổ lạc có phải là chẳng phải vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo không?”

Đáp:

“Khổ lạc là chẳng vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo, những điều này Đức Thế Tôn bảo ‘Ta không khẳng định.’”

Chúng xuất gia ngoại đạo lại hỏi:

“Thế nào, Tôn giả Phù-di, khi chúng tôi hỏi có phải khổ lạc là do tự tác; thì bảo là không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải do tha nhân tác, thì bảo rằng không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải là do vừa tự vừa tha nhân tác, thì bảo rằng không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải là chẳng vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo, thì bảo rằng không khẳng định. Vậy hiện tại Sa-môn Cù-dàm nói khổ lạc được sanh ra như thế nào?”

Tôn giả Phù-di đáp:

“Này chúng xuất gia ngoại đạo, Đức Thế Tôn bảo khổ lạc được sanh ra từ duyên khởi.”

Lúc ấy chúng xuất gia ngoại đạo nghe những gì Tôn giả Phù-di nói, tâm không hoan hỷ, chỉ trích, rồi bỏ ra đi.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách chỗ Tôn giả Phù-di không xa, đang ngồi dưới bóng cây. Lúc ấy Tôn giả Phù-di biết chúng xuất gia ngoại đạo đã đi rồi, mới đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hai vị cùng chào hỏi và chúc tụng nhau. Sau khi chúc tụng rồi, Tôn giả đem những câu hỏi của chúng xuất gia ngoại đạo trình lại đầy đủ cho Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi đã giải đáp như vậy, không mắc tội hủy báng Đức Thế Tôn chẳng? Nói như thuyết chẳng? Nói như pháp chẳng? Nói tùy thuận pháp, hành pháp chẳng? Không bị những người khác nhân nỗi luận pháp đến nạn vấn chỉ trích chẳng?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Này Tôn giả Phù-di, những điều thầy nói là đúng như lời Phật dạy, không hủy báng Như Lai, nói như những gì Phật đã nói, nói như pháp, pháp hành, pháp thuyết, không bị những người khác nhân nỗi luận nghĩa, mà đến cật vấn, quở trách. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn dạy khổ lạc được sanh ra từ duyên khởi.

“Tôn giả Phù-di, những gì các Sa-môn, Bà-la-môn kia hỏi về khổ

lạc là do tự tác, điều này cũng sanh ra từ duyên khởi. Nếu bảo rằng chúng không sanh ra từ duyên khởi, điều này không thể có được. Khổ lạc là do tha nhân tác, do tự tha tác, cũng chẳng phải do tự chẳng phải do tha tác, hay bảo là vô duyên tạo, chúng cũng đều sanh ra từ duyên khởi. Nếu bảo không phải sanh ra từ duyên khởi, điều này không thể có được.

“Tôn giả Phù-di, những gì mà các Sa-môn, Bà-la-môn kia nói về khổ lạc là do tự tác, chúng cũng duyên xúc mà sanh ra; nếu bảo là chúng không sanh ra từ xúc, điều này không thể có được. Khổ lạc là do tha tạo, là do tự tha nhân tác, do tự tha tác, cũng chẳng phải do tự chẳng phải do tha tác, vô nhân tác, chúng cũng duyên vào xúc mà sanh ra. Nếu bảo không phải sanh ra từ xúc, điều này không thể có được.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang ngồi dưới bóng cây cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Phù-di bàn luận những việc như vậy. Sau khi nghe, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem những lời bàn luận giữa Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Phù-di bạch một cách đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

“Lành thay! Lành thay! A-nan, Tôn giả Xá-lợi-phất có người đến hỏi, đã có thể tùy thời mà đáp. Lành thay! Vì Xá-lợi-phất là người có trí ứng phó kịp thời, nên có người đến hỏi, liền có thể tùy thời mà giải đáp. Hàng Thanh văn của Ta nếu gặp có người hỏi, thì cũng nên tùy thời mà đáp như cách Xá-lợi-phất đã nói.

“Này A-nan, trước đây khi Ta ở trong núi tại Tiên nhân trú xứ, thành Vương xá, bấy giờ có chúng xuất gia ngoại đạo đã đem ý vị như vậy, văn cú như vậy, nghĩa lý như vậy đến hỏi Ta. Ta vì họ mà đem ý vị thế này, văn cú thế này, nghĩa lý thế này nói cho họ, giống như những gì Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói.

“A-nan, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng khổ lạc là do tự tác, Ta liền đến hỏi họ: ‘Thật sự các vị có nói khổ lạc là do tự tác không?’ Họ đáp: ‘Tôi nói như vậy’ Ta liền nói với họ: ‘Các vị có thể chấp nhận lấy nghĩa này cho đây là chân thật, còn những gì khác đều là ngu dối. Ta không chấp nhận như vậy. Vì sao? Vì Ta nói sự sanh khởi

của khổ lạc khác hẳn với điều này.' Nếu họ hỏi Ta: 'Cù-dàm nói sự sanh khởi của khổ lạc là khác như thế nào?' Ta đáp: 'Khổ lạc sanh ra từ duyên khởi.' Cũng vậy nếu họ nói: 'Khổ lạc là do tha nhân tác, do tự tha tác, chẳng phải do tự, chẳng phải do tha, vô nhân tạo, Ta cũng đến chỗ họ nói như trên.'"

Tôn giả A-nan bạch Phật:

"Như nghĩa lý Thế Tôn vừa nói, con đã hiểu. Có sanh nên có già chết, chẳng phải duyên nào khác mà có sanh nên có già chết. Cho đến vì vô minh nên có hành, chẳng phải duyên nào khác mà có vô minh nên có hành. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não cũng diệt; và thuần một khối khổ lớn diệt."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 344. CÂU-HI-LA<sup>5</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đang ở tại núi Kỳ-xà-quật. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tĩnh giấc, Tôn giả Câu-hi-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau chào hỏi. Sau khi chào hỏi, ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Tôi có điều muốn hỏi. Tôn giả có rảnh để giải đáp cho không?"

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

"Nhân giả cứ hỏi. Nếu biết tôi sẽ trả lời."

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

"Đa văn Thánh đệ tử, ở trong pháp luật này, thành tựu pháp nào để gọi là có đầy đủ chánh kiến<sup>6</sup>, thành tựu được trực kiến; thành tựu

<sup>5</sup>. Tham chiếu, Trung A-hàm kinh 9; Pāli, M. 9. Sammaditthi.

<sup>6</sup>. Pāli (M.9): Kittavatā nu kho, āvuso, ariyasāvako sammāditthi hoti, cho đến mức nào Thánh đệ tử có chánh kiến.

bất hoại tín đối với Phật<sup>7</sup>, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

“Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với pháp bất thiện, biết như thật bất thiện căn, biết như thật thiện pháp, biết như thật thiện căn.

“Thế nào là biết như thật pháp bất thiện? Các nghiệp chẳng lành của thân, miệng, ý; đó gọi là pháp bất thiện. Biết như thật pháp bất thiện là như vậy.

“Thế nào là biết như thật bất thiện căn? Ba căn chẳng lành, tham là gốc (căn) chẳng lành, sân là gốc chẳng lành, si là gốc chẳng lành; đó gọi là bất thiện căn. Biết như thật bất thiện căn là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về thiện pháp? Các nghiệp lành của thân, miệng, ý; đó gọi là thiện pháp. Biết như thật về thiện pháp là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về thiện căn? Ba căn lành không tham, không sân, không si; đó gọi là ba thiện căn. Biết như thật về thiện căn là như vậy.

“Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, như vậy, đa văn Thánh đệ tử biết như thật pháp bất thiện, biết như thật pháp thiện, biết như thật căn bất thiện, biết như thật về thiện pháp, biết như thật về thiện căn; cho nên ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thật chỉ có những pháp này, hay ngoài ra còn có pháp nào khác?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

<sup>7</sup>. Pāli: dhamme aveccappasādena samannāgato, thành tựu bất hoại tín ở trong pháp. Bất hoại tín, hay bất động tín, cũng nói là chứng tịnh (Pāli: aveccapasāda). Có bốn chứng tịnh, được gọi là bốn thành phần của Dự lưu quả: Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh, Tăng chứng tịnh, Thánh giới chứng tịnh. Xem Trường A-hàm kinh 7; Pāli, D. 33. Saṅgīti: cattāri sotāpannassa aṅgāni, (...) buddhe aveccapasādena samannāgato hoti (.....), dhamme... saṅghe... ariya-kantehi sīlehi samannāgato hoti.

“Có. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, về sự diệt tận của thức ăn, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn.

“Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn; đó là: Một là thức ăn nấm thô, hai là thức ăn tế xúc, ba là thức ăn bởi ý tư và bốn là thức ăn của thức<sup>8</sup>; đó gọi là thức ăn. Biết như thật về thực là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia<sup>9</sup>; đó gọi là sự tập khởi của thức ăn. Biết như thật về sự tập khởi của thực là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thấy đều dứt bỏ không còn sót, xả bỏ, nhả ra, đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn? Tâm Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn là như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, biết như thật về sự diệt tận của thức ăn, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn; cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này.”

Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

<sup>8.</sup> Bốn loại thức ăn, hay tứ thực: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực 粗 搏 食 細 觸 食 意 思 食 識 食. Pāli: cattaro āhārā; kabaliṇko āhāro oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, mano-sañcetanā tatiyā, viññāṇam catuttham.

<sup>9.</sup> Bí bỉ lạc trước 彼 樂 著: ham muốn đời sau ta sẽ sanh chỗ này, chỗ kia. Pāli: tatrataitrābhinandī (S. iii. 158).

“Thật chỉ có những pháp này, hay còn có những pháp nào khác?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

“Lại còn có những pháp khác. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về lậu<sup>10</sup>, biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu.

“Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu<sup>11</sup>, đó gọi là lậu. Phải biết như thật về sự hiện hữu của lậu là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của lậu? Vô minh tập khởi là lậu tập khởi. Biết như thật về sự tập khởi của lậu là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của lậu? Vô minh diệt là lậu diệt. Biết như thật về sự diệt tận của lậu là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu? Tám Thánh đạo (*nói như trên*). Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu là như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu; cho nên đa văn Thánh đệ tử ở trong pháp luật này, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thật chỉ có những pháp này, hay còn có những pháp nào khác?”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

“Cũng có những pháp khác nữa. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ.

“Thế nào là biết như thật về khổ? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái xa lìa là khổ, oán ghét gắp nhau là khổ, mong muốn không được là khổ. Như vậy, nói tóm, nǎm thọ ấm là khổ; đó gọi là

<sup>10</sup>. Trong bản, bệnh 痘. Theo nội dung trả lời dưới, sửa lại là lậu 漏.

<sup>11</sup>. Ba thứ lậu: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu 欲漏 有漏 無明漏; xem Trường A-hàm kinh 7, Pāli, D. 33. Saṅgīti, tayo āsavā: kāmāsavo, bhavāsavo, avijjāsavo.

khổ. Biết như thật về khổ là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia; đó gọi là sự tập khởi của khổ. Biết như thật về sự tập khởi của khổ là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của khổ? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thấy đều đoạn trừ, không còn sót, cho đến, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của khổ. Biết như thật về sự diệt tận của khổ là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ? Tám Thánh đạo như đã nói ở trên. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ là như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử như vậy là biết như thật về khổ, biết như thật về sự tập khởi của khổ, biết như thật về sự diệt tận của khổ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này<sup>12</sup>, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này.”

Lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thật chỉ có pháp này, còn có pháp nào khác nữa không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Còn có pháp khác. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về già chết, biết như thật về sự tập khởi của già chết, biết như thật về sự diệt tận của già chết, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như Kinh Phân biệt đã nói ở trước.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khởi, sanh diệt tận thì già chết diệt tận... Con đường đưa đến sự diệt tận của già chết là gồm tám Thánh đạo như trước đã nói. Đa văn Thánh đệ tử biết như thật đối với già chết này... cho đến, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như vậy Thánh đệ tử ở trong pháp luật này<sup>13</sup>, có đầy đủ chánh kiến,

<sup>12</sup>. Trong bản: “Trong pháp luật của Ta”.

<sup>13</sup>. Như ch. 12 trên.

thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này.”

“Cũng vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành. Thánh đệ tử biết như thật về hành, sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

“Thế nào là biết như thật về hành? Hành có ba thứ: thân hành, khẩu hành và ý hành. Biết như thật về sự hiện hữu của hành là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi. Biết như thật về sự tập khởi của hành là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Vô minh diệt tận thì hành diệt tận. Biết như thật về sự diệt tận của hành là như vậy.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Là tám Thánh đạo như trước đã nói.

“Này Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, đó gọi là Thánh đệ tử biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, biết như thật về sự diệt tận của hành, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành; trong pháp luật này<sup>14</sup>, có đầy đủ chánh kiến, thành tựu trực kiến; thành tựu bất hoại tín đối với Phật, thâm nhập Chánh pháp, đạt được Chánh pháp này, tỏ ngộ Chánh pháp này.”

Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Chỉ có những pháp này, hay còn có pháp nào khác không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, thầy đuổi theo cái gì vậy, rốt cuộc rồi Thầy cũng không thể đến chỗ tốt cùng của các luận thuyết, đạt đến biên tế của chúng được! Nếu Thánh đệ tử đã đoạn trừ vô minh và phát sanh minh trí, thì đâu cần tìm cầu gì nữa!”

Sau khi đàm đạo xong, hai vị Chánh sĩ mỗi người trở về trú xứ của mình.

\*\*  
\*

---

<sup>14</sup>. Như ch.12 trên.

### KINH 345. TẬP SANH<sup>15</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.  
Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Như những gì Ta đã nói về những câu hỏi của A-dật-đa trong Ba-la-diên-da<sup>16</sup> bằng bài kệ:

*Người đã thông pháp số<sup>17</sup>,  
Người thành các môn học<sup>18</sup>,  
Oai nghi, hạnh đầy đủ,  
Vì con phân biệt nói.*

“Này Xá-lợi-phất, học những gì? Những gì là pháp số<sup>19</sup>? ”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng, không đáp; lần thứ hai, lần thứ ba cũng im lặng.

Phật bảo:

“Xá-lợi-phất, thực thể<sup>20</sup>!”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Thế Tôn, thực thể! Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo đối với thực thể<sup>21</sup> mà nhảm躁, ly dục, hướng đến diệt tận. Nó sanh khởi do tập khởi của thức ăn. Tỳ-kheo đối với thức ăn mà sanh nhảm躁, ly dục, hướng

<sup>15</sup>. Pāli, S. 12. 31. Bhūtam; 32. Kālāra.

<sup>16</sup>. Ba-la-diên-da A-dật-đa sở vấn 波羅延耶阿逸多所問. Pāli: vuttam, sāriputta, pārāyane ajitapañhe, điều đã được nói trong câu hỏi của Ajita trong (kinh) Pārayana (Suttanipāte pañcassa Pārāyanavagassa Ajitapañhā, Kinh tập bộ, phẩm Pārāyana, những câu hỏi của Ajita).

<sup>17</sup>. Pháp số 法數. Pāli: sankhātadhamma, (người) đã truy cứu pháp, đã thấu hiểu pháp. Do saṅkhāta: được tính toán, nên Hán dịch là pháp số. Bản Ẩn Thuận sửa lại là pháp giáo 法教. Quốc Dịch cũng vậy.

<sup>18</sup>. Pāli: ye ca sekkhā putthū idha, ở đây, những vị hữu học và các phàm phu.

<sup>19</sup>. Xem cht.17 trên.

<sup>20</sup>. Nguyên Hán: chân thật 真實. Pāli: bhūtam idanti sāriputta passati ti? Này Sāriputta, đây là sinh vật, người có thấy chăng? Tiếng Phạn: bhūta, có nghĩa là *chân thật* (hình dung từ) và cũng có nghĩa là *sinh vật* (danh từ), chỉ các loài có sự sống hay mầm sống.

<sup>21</sup>. Trong nghĩa này, Hán “chân thật” rõ ràng là sai. Xem cht. trên.

đến diệt tận; đó gọi là thực thể diệt tận. Vì ấy, thức ăn diệt nên thực thể diệt, đã giác tri rồi, Tỳ-kheo này nhảm tỳ, ly dục, hướng đến diệt tận. Đó gọi là học.

“Lại nữa, Xá-lợi-phất, thực thể!”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Thế Tôn, thực thể! Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo đối với thực thể mà nhảm tỳ, ly dục, diệt tận, chẳng khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát. Nó sanh khởi do tập khởi của thức ăn. Vì ấy, thức ăn diệt nên thực thể diệt, đã giác tri rồi, Tỳ-kheo này nhảm tỳ, ly dục, diệt tận, chẳng khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát. Đó gọi là pháp số.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Đúng thế, đúng thế! Như Xá-lợi-phất nói, Tỳ-kheo đối với thực thể mà sanh ra nhảm tỳ, ly dục, diệt tận, thì đây gọi là pháp số.”

Nói như vậy rồi, Thế Tôn đứng lên đi vào thất tọa thiền. Tôn giả Xá-lợi-phất biết Đức Thế Tôn đã đi, sau đó không lâu nói với các Tỳ-kheo:

“Chư vị, vì tôi không thể hiểu rõ câu hỏi đầu tiên của Đức Thế Tôn nên tôi im lặng. Sau một hồi, Đức Thế Tôn lại vì tôi hoan hỷ hỏi lại, tôi liền giải thích được nghĩa của nó như vậy. Giả sử Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm hay cho đến bảy ngày đêm lại hỏi nghĩa này với những văn cú khác, ý vị khác thì tôi cũng có thể giải thích, nói rộng nghĩa này với những văn cú khác, ý vị khác suốt bảy ngày đêm.”

Bây giờ, có một số Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói những điều kỳ đặc chưa từng có. Ở trong đại chúng đã nói lên tiếng rống con sư tử: ‘Đối với câu hỏi đầu tiên của Đức Thế Tôn, tôi đã không thể trả lời, vì không thể hiểu rõ, nên cho đến ba lần Ngài hỏi tôi đều im lặng, không đáp được. Sau đó Đức Thế Tôn lại đã vì tôi hoan hỷ hỏi lại, tôi liền giải thích được. Giả sử Đức Thế Tôn trong một ngày một đêm, hay cho đến suốt bảy ngày đêm, lại hỏi nghĩa lý của nó với những văn cú khác, ý vị khác, thì tôi có thể giải thích với văn cú khác, ý vị khác suốt bảy ngày đêm.’”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Quả thật, nếu Ta một ngày một đêm, cho đến bảy ngày đêm, lại hỏi nghĩa lý của nó với những văn cú khác, ý vị khác, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, trong ý nghĩa những điều được hỏi, cũng có thể giải thích với câu khác, ý vị khác cho đến bảy ngày đêm. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khéo nhập vào pháp giới.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 346. TAM PHÁP<sup>22</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba pháp mà thế gian không yêu thích, không nhớ nghĩ, không vừa ý. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Thế gian nếu không có ba pháp không đáng yêu thích, không đáng nhớ nghĩ, không vừa ý này thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian; thế gian cũng không biết có Chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Vì thế gian có ba pháp già, bệnh, chết, không đáng yêu thích, không đáng nhớ nghĩ và không vừa ý này, cho nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác mới xuất hiện ở thế gian; thế gian biết có Chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

“Vì ba pháp chưa đoạn nên không thể thoát khỏi già, bệnh, chết. Ba pháp đó là tham, nhuế, si.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa tham, nhuế, si. Ba pháp đó là thân kiến, giới thủ, nghi.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được thân kiến, giới thủ, nghi. Ba pháp đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không

---

<sup>22</sup>. Pāli, A. 10. 76. Tayodhamma.

chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Ba pháp đó là thất niệm<sup>23</sup>, không chánh tri, loạn tâm.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa thất niệm, không chánh tri, loạn tâm. Ba pháp đó là dao động<sup>24</sup>, không luật nghi, chẳng học giới.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa dao động, không luật nghi, chẳng học giới. Ba pháp đó là không tin, khó dạy, lười biếng.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa không tin, khó dạy, lười biếng. Ba pháp đó là không muốn thấy bậc Thánh, chẳng muốn nghe pháp, thường hay tìm điều dở của người.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể xa lìa không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm cầu điều dở của người. Ba pháp đó là không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu.

“Lại vì có ba pháp chưa đoạn nên không thể lìa được không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu. Ba pháp đó là không tàm, không quý, buông lung. Vì ba pháp này không đoạn trừ nên không thể lìa được không cung kính, nói năng ngang trái, quen bạn xấu. Vì sao? Vì do không tàm, không quý nên buông lung; vì buông lung nên không cung kính; vì không cung kính nên quen theo bạn xấu; vì quen theo bạn xấu nên không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, hay ưa tìm điều dở của người; vì ưa tìm điều dở của người nên không tin, khó dạy, nói năng ngang trái, lười biếng; vì lười biếng nên dao động, không luật nghi, không học giới; vì không học giới nên thất niệm, không chánh tri, loạn tâm; vì loạn tâm nên không chánh tư duy, thân cận tà đạo, tâm biếng nhác; vì tâm biếng nhác nên thân kiến, giới thủ, nghi; vì nghi nên không lìa tham, nhuế, si; vì không lìa tham, nhuế, si nên không thể lìa được già, bệnh, chết.

“Nếu dứt được ba pháp này thì mới có thể lìa được già, bệnh,

<sup>23</sup>. Thất niệm 失 念, tức quên mất chánh niệm, xao lãng. Pāli: muṭṭhasacca.

<sup>24</sup>. Hán: diệu, bất luật nghi, bất học giới 掉 不 律 儀 不 學 戒. Pāli: uddhaccam asamvaram dussliyam, trao cử, không phòng hộ, ác giới.

chết. Ba pháp đó là tham, nhuế, si. Ba pháp này dứt rồi mới có thể lìa già, bệnh, chết.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tham, nhuế, si. Ba pháp đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Vì dứt được ba pháp này nên có thể lìa được tham, sân, si.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa thân kiến, giới thủ, nghi. Ba pháp đó là không chánh tư duy, thân cận tà đạo, khởi tâm biếng nhác. Vì dứt ba pháp này nên lìa thân kiến, giới thủ, nghi.

“Lại vì dứt ba pháp nên có lìa không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác. Ba pháp đó là thất niệm, không chánh tri, loạn tâm. Vì dứt ba pháp này nên lìa được không chánh tư duy, thân cận tà đạo và tâm biếng nhác.

“Lại vì dứt được ba pháp này nên lìa được thất niệm, tâm không chánh tri, loạn tâm. Ba pháp đó là dao động, không luật nghi, phạm giới. Vì dứt ba pháp này nên lìa được thất niệm, tâm không chánh tri, loạn tâm.

“Lại vì dứt ba pháp nên lìa được dao động, chẳng luật nghi, phạm giới. Ba pháp đó là không tin, khó dạy, biếng nhác. Vì dứt được ba pháp này nên lìa được dao động, không luật nghi, phạm giới.

“Lại vì dứt được ba pháp nên lìa được chẳng tin, khó dạy, biếng nhác. Ba pháp đó là không muốn thấy bậc Thánh, không ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Vì dứt ba pháp này nên có thể lìa được không tin, khó dạy, biếng nhác.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa được tâm không muốn thấy bậc Thánh, không ưa nghe pháp, ưa tìm điều dở của người. Ba pháp đó là không cung kính, nói năng ngang trái, quen theo bạn xấu. Vì dứt được ba pháp này nên lìa sự không muốn thấy bậc Thánh, không muốn nghe pháp, ưa tìm điều dở của người.

“Lại vì dứt ba pháp nên có thể lìa chẳng cung kính, nói năng ngang ngược, tập theo bạn xấu. Ba pháp đó là không tàm, không quý, buông lung. Vì sao? Vì do tàm quý nên không buông lung. Vì không buông lung nên tâm cung kính, nói năng hòa nhã, làm thiện tri thức. Vì là thiện tri thức nên ưa thấy Hiền thánh, ưa nghe Chánh pháp, chẳng tìm điều dở của người. Vì chẳng ưa tìm điều dở của người nên sanh lòng tin, nói năng hòa nhã và tinh tấn. Vì tinh tấn

nên không dao động, an trú trong luật nghi, học giới. Nhờ học giới nên không thất niệm, an trú chánh tri, chẳng loạn tâm. Nhờ không loạn tâm nên chánh tư duy, gần gũi chánh đạo, tâm không biếng nhác. Nhờ tâm không biếng nhác nên không chấp trước thân kiến, không chấp trước giới thủ, vượt khỏi nghi hoặc. Nhờ chẳng nghi nên chẳng khởi tham, nhuế, si. Nhờ lìa tham, nhuế, si nên có thể dứt già, bệnh, chết."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 347. TU-THÂM<sup>25</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ có các quốc vương, đại thần, gia chủ, Bà-la-môn, cư sĩ và những người khác ở thế gian, cung kính tôn trọng, cúng dường; Phật và chúng Thanh văn được nhiều lợi dưỡng: y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men. Còn đối với các ngoại đạo tà giáo, họ hoàn toàn chẳng cung kính, tôn trọng, cúng dường các thứ y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men.

Bấy giờ, các ngoại đạo tụ tập tại giảng đường Vị tằng, bàn luận như vầy: ‘Chúng ta từ trước đến nay, thường được nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và tất cả những người khác phụng sự, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men mà ngày nay lại bị dứt tuyệt. Họ chỉ cung kính, cúng dường Sa-môn Cù-dàm và đại chúng Thanh văn. Nay trong chúng này, ai là người có trí tuệ, là bậc đại sĩ, có thể lén đến trong chúng Sa-môn Cù-dàm, xuất gia, nghe pháp Sa-môn Cù-dàm, rồi trở về nói lại đầy đủ. Chúng ta sẽ dùng pháp được nghe đó để giáo hóa quốc vương, đại thần, gia chủ, cư sĩ khiến cho họ tin ưa, có thể họ sẽ trở lại cúng dường chúng ta như trước?’ Lúc ấy có người lên tiếng:

---

<sup>25</sup>. Pāli, S. 12. 70. Susima.

“Có một thiếu niên tên là Tu-thâm<sup>26</sup>, thông minh, có trí tuệ, có thể lén vào trong chúng Sa-môn Cù-dàm xuất gia, nghe pháp Cù-dàm xong rồi trở về trình bày lại.”

Bấy giờ, các ngoại đạo đi đến chỗ Tu-thâm bảo rằng:

“Hôm nay chúng tôi tập hợp đại chúng tại giảng đường Vị tằng bàn luận như vầy: ‘Từ trước đến nay chúng ta được nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và những người khác cung kính, phụng sự, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọt cụ, thuốc men, nhưng ngày nay bỗng bị dứt tuyệt. Nhà vua, đại thần, gia chủ, cư sĩ và mọi người đều đua nhau phụng sự Cù-dàm và đại chúng Thanh văn. Trong đại chúng này ai là người thông minh, trí tuệ có thể lén đến trong chúng Sa-môn Cù-dàm xuất gia, học đạo, nghe pháp Sa-môn Cù-dàm rồi trở về nói lại và đem ra giáo hóa quốc vương, các đại thần, gia chủ, cư sĩ để chúng của ta trở lại được cung kính, tôn trọng cúng dường?’ Trong chúng có người nói rằng: ‘Chỉ có Tu-thâm thông minh trí tuệ, có thể lén đến trong pháp của Cù-dàm xuất gia học đạo, nghe Cù-dàm thuyết pháp chắc chắn có thể Jānh hội được để trở về nói lại.’ Cho nên chúng tôi cùng nhau đến đây mời Nhân giả nêu nhận lời đi.”

Bấy giờ, Tu-thâm im lặng nhận lời, đi đến trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà tại thành Vương xá. Lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đi kinh hành ngoài đất trống. Tu-thâm liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch các Tôn giả, nay con có thể được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu phạm hạnh không?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo đưa Tu-thâm đi đến chỗ Đức Thế Tôn, thành kính đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay ngoại đạo Tu-thâm muốn cầu xin được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu phạm hạnh.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm của Tu-thâm, nên bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông nên độ cho ngoại đạo Tu-thâm này được xuất gia.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo giúp cho Tu-thâm xuất gia, trải qua được

<sup>26</sup>. Tu-thâm (niên thiếu) 須 深. Pāli: Susīma-paribbājaka, Susīma, ngoại đạo xuất gia.

nửa tháng. Một hôm có vị Tỳ-kheo nói với Tu-thâm<sup>27</sup>:

“Tu-thâm nên biết, chúng tôi đã chấm dứt sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Tu-thâm bạch Tỳ-kheo:

“Bạch Tôn giả, thế nào, có phải học ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu Sơ thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?”

Tỳ-kheo đáp:

“Không phải vậy, Tu-thâm!”

Lại hỏi:

“Thế nào, có phải lìa có giác, lìa có quán, nội tịnh nhất tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu Nhị thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?”

Tỳ-kheo đáp:

“Không phải vậy, Tu-thâm!”

Lại hỏi:

“Thế nào, có phải lìa hỷ, an trụ tâm xả, có chánh niệm, chánh tri, thân tâm thọ lạc, điều mà Thánh nói đến là xả<sup>28</sup>, thành tựu Tam thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?”

Đáp:

“Không phải vậy, Tu-thâm!”

Lại hỏi:

“Bạch Tôn giả, thế nào, có phải là lìa khổ dứt lạc, đoạn trừ ưu, hỷ từ trước, không khổ, không lạc, xả tịnh, niêm nhất tâm<sup>29</sup>, thành tựu đệ Tứ thiền, là không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát?”

Đáp:

“Không phải vậy, Tu-thâm!”

<sup>27</sup>. Trong bản Pāli, Susima thấy thỉnh thoảng có nhiều Tỳ-kheo đến trước Thế Tôn tuyên bố chánh trí, tức tự xác nhận đã chứng quả A-la-hán (bhagavato santike aññā vyākatā hoti). Susima tò mò nên đi theo hỏi.

<sup>28</sup>. Hán: Thánh thuyết cặp xả 聖說及捨. Pāli: yan tam ariyā ācikkhanti upekkhako satimasukhāvihāri ti, điều mà các Thánh nói là xả, có chánh niệm, an trụ lạc.

<sup>29</sup>. Xả tịnh niêm nhất tâm 捨淨念一心. Pāli: upekkha-sati-pārisuddhiṃ, xả và niêm thanh tịnh.

Lại hỏi:

“Chứng tịch tĩnh giải thoát<sup>30</sup>, vượt sắc, vô sắc, tự thân tác chứng và thành tựu, phải chăng là không còn khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát chăng?”

Đáp:

“Không phải vậy, Tu-thâm!”

Lại hỏi:

“Thế nào, bạch Tôn giả, lời nói của Tôn giả chẳng đồng nhất, trước sau mâu thuẫn. Tại sao không đắc thiền định nhưng lại tuyên bố như vậy<sup>31</sup>? ”

Tỳ-kheo đáp:

“Tôi được tuệ giải thoát<sup>32</sup>.”

Khi nói vậy rồi, các Tỳ-kheo đều từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, Tu-thâm suy nghĩ: ‘Những gì các Tôn giả này nói không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn, đã nói không chứng đắc chánh thọ<sup>33</sup>, mà lại tuyên bố là tự thân tác chứng.’ Suy nghĩ xong, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo kia ở trước mặt con đã tuyên bố: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Con liền hỏi Tôn giả kia: ‘Có phải được ly dục và pháp ác bất thiện... cho đến tự tri tự tác chứng, thì không còn khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát chăng?’ Vị ấy trả lời

<sup>30</sup>. Đề cập tâm giải thoát (Pāli: attha vimokhā); từ căn bản đệ Tứ thiền Sắc giới, vượt qua Sắc và Vô sắc, cuối cùng nhập tưởng thọ diệt tận định. Pāli: ye te santā vimokhā atikkamma rūpe āruppā te kāyena phusitvā viharati, tịch tĩnh giải thoát, siêu việt Sắc Vô sắc, sau khi xúc cảm bằng thân, vị ấy an trụ.

<sup>31</sup>. Pāli: ida nca veyyākaraṇam imesañca dhammānaṁ asamāpatti, không có sự chứng đắc đối với lời tuyên bố (ký thuyết) này và những pháp này.

<sup>32</sup>. Tuệ giải thoát 慧解脫; được giải thoát (đắc A-la-hán) do tuệ chớ không do định. Pāli: paññāvimutta.

<sup>33</sup>. Chánh thọ 正受 (Pāli: samāpatti), nghĩa thường: đã đi đến nơi, thành tựu; nghĩa chuyên biệt: đạt đến trạng thái thiền và định; theo nghĩa này, phiên âm là tam-ma-bát-dể, hoặc dịch là chánh thọ, định lực, đẳng chí. Trong ngữ cảnh đoạn văn này, nó chỉ có nghĩa chưa chứng đắc (Pāli: asamāpatti).

con: ‘Không phải vậy, Tu-thâm.’ Con liền hỏi: ‘Những gì Tôn giả nói là bất đồng; trước sau mâu thuẫn, đã nói không nhập chánh thọ mà lại tuyên bố là tự tri tự tác chứng?’ Vị ấy đáp với con rằng: ‘Tôi được tuệ giải thoát.’ Nói như vậy xong, mỗi người đều từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Hôm nay, con xin hỏi Thế Tôn, vì sao những lời nói của họ không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn, không đắc chánh định mà lại nói tự biết tác chứng?’

Phật bảo Tu-thâm:

“Trước hết họ biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn<sup>34</sup>. Các thiện nam ấy một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.”

Tu-thâm bạch Phật:

“Nay con không hiểu, trước hết phải biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn. Các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Không luận là người biết hay không biết, mà trước hết phải tự biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn, như các thiện nam tử kia một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, tâm khéo giải thoát đã.”

Tu-thâm bạch Phật:

“Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp khiến cho con biết được trí pháp trụ, thấy được trí pháp trụ.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Nay Ta hỏi ngươi, tùy ý mà đáp cho Ta. Tu-thâm nghĩ thế nào? Có phải vì có sanh nên có già, chết; không phải lìa sanh mà có già, chết chăng?”

Tu-thâm đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì có sanh nên có già, chết; không thể lìa sanh mà có già, chết được.”

---

<sup>34</sup> Pāli: pubbe (...) dhammaṭṭhitīññāṇam, pacchā nibbāne ñāṇam, trước hết là pháp trụ trí, sau đó là Niết-bàn trí.

Phật bảo:

“Đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng vậy. Có phải vì có vô minh nên có hành; không phải lìa vô minh mà có hành chăng?”

Tu-thâm bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì có vô minh nên có hành; không thể lìa vô minh mà có hành được.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Có phải vì không sanh nên không có già, chết; không thể lìa cái diệt của sanh, mà già, chết diệt chăng?”

Tu-thâm bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì không sanh nên không già chết và không thể lìa cái diệt của sanh mà già chết diệt được.”

“Như vậy cho đến không có vô minh, nên không có hành và không thể lìa cái diệt của vô minh mà hành diệt chăng?”

Tu-thâm bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Vì không có vô minh nên không có hành và không thể lìa cái diệt của vô minh mà hành diệt được.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Người biết như vậy, thấy như vậy, có phải là ly dục và pháp ác bất thiện, cho đến tự thân tác chứng an trụ đầy đủ chăng?”

Tu-thâm bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không phải vậy.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Đó gọi là trước hết biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn, mà các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-thâm xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Tu-thâm thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp, thoát khỏi nghi, được niềm tin không do ai khác, được độ không do người khác, ở trong Chánh pháp tâm được vô sở úy, cúi đầu lạy dưới chân Phật và bạch:

“Bạch Thế Tôn, nay con xin sám hối. Con đã ở trong Chánh pháp

trộm lén xuất gia, cho nên con xin sám hối.”

Phật bảo Tu-thâm:

“Thế nào là ở trong Chánh pháp trộm lén xuất gia?”

Tu-thâm bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có nhiều người ngoại đạo đến chỗ con nói với con: ‘Tu-thâm nê biết, chúng ta trước đây được quốc vương, đại thần, gia chủ, cư sĩ và người thế gian đều cung kính, cúng dường, mà nay bị đoạn tuyệt. Bởi vì họ đều cúng dường Sa-môn Cù-dàm và đại chúng Thanh văn. Ngày nay ông hãy lén đến trong chúng Thanh văn của Sa-môn Cù-dàm xuất gia, thọ giới pháp; khi đã thông đạt pháp của họ rồi, trở về nói cho chúng tôi nghe và đem giáo pháp đã nghe đó giáo hóa thế gian khiến họ trở lại cung kính, cúng dường như trước.’ Bạch Thế Tôn vì vậy nên con đã ở trong Chánh pháp luật trộm lén xuất gia, hôm nay con xin sám hối. Xin Thế Tôn thương xót cho phép con được sám hối.”

Vì lòng từ bi nên Phật bảo Tu-thâm:

“Ta nhận sự sám hối của ngươi. Người nên nói đầy đủ: ‘Ngày xưa vì con ngu si, bất thiện, vô trí nên ở trong Chánh pháp luật trộm lén xuất gia. Ngày nay ăn năn lỗi lầm, tự thấy tội, tự biết tội, trong đời sau sẽ thành tựu luật nghi, công đức tăng trưởng, cuối cùng không thoái giảm.’ Vì sao? Vì người có tội tự thấy, tự biết và ăn năn lỗi lầm nên ở đời sau luật nghi sẽ thành tựu, công đức tăng trưởng, cuối cùng không thoái giảm.”

Phật lại bảo Tu-thâm:

“Hôm nay Ta sẽ nói thí dụ, người trí tuệ nhờ thí dụ sẽ được hiểu. Ví như nhà vua có người tuần canh, bắt được giặc cướp trói lại, đưa đến chỗ nhà vua tâu rằng: ‘Bạch Đại vương, người này là trộm cướp, xin Đại vương xử tội.’ Vua ra lệnh: ‘Đem tội nhân đi, trói ngược hai tay và hãy công bố tiếng xấu khắp nước; sau đó đem tội nhân đến chỗ hành phạt ở ngoài kinh thành, dùng trăm mũi giáo đâm khắp thân thể tội nhân.’ Người đứng ra hành hình theo lệnh vua, bắt tội nhân này trói ngược hai tay, loan tin xấu khắp thành ấp; sau đó đem tội nhân đến chỗ thọ hình ở ngoài thành và dùng trăm mũi giáo nhọn đâm khắp thân thể tội nhân. Đến trưa vua hỏi: ‘Tội nhân còn sống không?’ Các quan đáp: ‘Còn sống.’ Vua lại ra lệnh các quan đâm thêm một trăm mũi giáo

nữa; đến chiêu lại đâm thêm trăm mũi giáo nữa, mà người kia vẫn không chết.”

Phật hỏi Tu-thâm:

“Nhà vua trị tội dùng ba trăm mũi giáo đâm vào thân người tội này, vậy có còn chỗ nào toàn vẹn bằng lòng bàn tay chăng?”

Tu-thâm bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Lại hỏi Tu-thâm:

“Khi tội nhân này vì nhân duyên bị ba trăm mũi giáo đâm vào thân, người ấy phải chịu khổ cùng cực phải không?”

Tu-thâm bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, khổ tột cùng! Nếu bị một mũi giáo đâm vào cũng đã là đau đớn, không chịu nổi, huống chi là ba trăm mũi giáo mà có thể cam chịu được sao!”

Phật bảo Tu-thâm:

“Việc này còn có thể chịu đựng được, nhưng nếu như ở nơi Chánh pháp luật mà có kẻ trộm lén xuất gia, trộm thọ trì giới pháp rồi đem nói lại cho người, sẽ phải chịu thống khổ gấp bội hơn cả người kia.”

Trong lúc Phật nói pháp ấy rồi, ngoại đạo Tu-thâm nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*\*

### KINH 348. THẬP LỰC<sup>35</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như Lai thành tựu mười lực, được bốn vô úy, biết trú xứ của Phật trước kia<sup>36</sup>, thường chuyển Phạm luân<sup>37</sup>, ở trong đại chúng phát lên tiếng gầm sư tử: ‘Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia

<sup>35</sup>. Pāli, S. 12. 21-22. Dasabala.

<sup>36</sup>. Tri tiên Phật trú xứ 知先佛住處, tức là tự xác nhận ở vị trí của chư Phật quá khứ. Pāli: āsabhami thānam patijānāti, tự tuyên bố vị trí ngưu vương, tức tự xác nhận vị trí hướng dẫn chúng sanh.

<sup>37</sup>. Chuyển Phạm luân 轉梵輪. Pāli: brahmacakram pavatteti.

khởi, có nghĩa là duyên vô minh nên có hành. Nói đầy đủ cho đến tập khởi thuần một khối khổ lớn và thuần một khối khổ lớn bị diệt.' Nay các Tỳ-kheo, đây là giáo pháp chân thật được hiển hiện, cắt đứt dòng sanh tử; cho đến<sup>38</sup>, người ấy tất khéo hiển hiện. Giáo pháp chân thật được hiển hiện, cắt đứt dòng sanh tử như vậy, đủ khiến cho người thiện nam phát lòng tin, chân chánh xuất gia, phương tiện tu tập, sống không buông lung. Ở trong Chánh pháp luật, tinh tấn chuyên cần khổ hạnh, dù da bọc xương, máu thịt khô kiệt, nếu chưa đạt được điều cần phải đạt, thì không xả bỏ phương tiện ân cần tinh tấn, cứng rắn chịu đựng. Vì sao? Vì biếng nhác thì an trú với khổ, hay sanh ra các ác pháp bất thiện, nên kết sử hữu tương lai<sup>39</sup> bừng bừng, làm tăng trưởng sự sanh, già, bệnh, chết, ở trong đời sau; nghĩa lớn bị thoái giảm<sup>40</sup>. Người tinh tấn vui đời sống cô độc, không sanh các ác pháp bất thiện đưa đến kết sử hữu tương lai, quả báo khổ bừng bừng; không làm tăng trưởng sự sanh, già, bệnh, chết, ở trong đời sau; đây đủ nghĩa lớn, đạt thành trưởng giáo pháp bậc nhất<sup>41</sup>. Đó là những người ở trước Đại sư, tự thân được nghe nói pháp, tịch diệt, Niết-bàn, chánh hướng Bồ-đề, chánh giác của Thiện Thệ<sup>42</sup>. Cho nên các Tỳ-kheo phải quán sát tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi, nên siêng năng tu học; rằng 'Ta nay xuất gia không ngu, không mê, có quả có lạc<sup>43</sup>; những ai cúng dường các thứ y phục,

<sup>38</sup>. Trong nguyên bản, tiết lược theo đoạn văn tương tự; nhưng từ trước, chưa tìm thấy đoạn nào tương tự.

<sup>39</sup>. Đương lai hữu kết 當來有結; kết sử dẫn đến hữu tương lai, tức dẫn đến tái sanh đời sau.

<sup>40</sup>. Thoái kỳ đại nghĩa, tức là đánh mất mục đích cao thượng, tổn thất ích lợi lớn. Pāli: mahantañ ca sadatthañ pariññepeti, tổn thất đại lợi.

<sup>41</sup>. Đệ nhất giáo pháp chi trường 第一教法之場. Pāli: na, bhikkhave, hīnena agassa patti hoti. aggena ca kho, bhikkhave, aggassa patti hoti, không bằng cái thấp hèn mà đạt đến cái cao thượng (đệ nhất). Chính bằng cái cao thượng mà đạt đến cái cao thượng.

<sup>42</sup>. Tức pháp được khéo hiển hiện nên dẫn đến tịch tĩnh; dẫn đến Niết-bàn; dẫn đến Bồ-đề của Thanh văn và Chánh giác của Phật.

<sup>43</sup>. Pāli: evam no ayam amhākām pabbajjā avañjhā bhavissati saphalā sa-udrayā, sự xuất gia của ta như vậy sẽ không phải là vô tích sự, mà có kết quả, có thành quả.

ẩm thực, ngọt cù, thuốc men, tất đều được quả báo lớn, phước lợi lớn'. Các ông nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 349. THÁNH XỨ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thiện lai Tỳ-kheo! Nếu khéo xuất gia, khéo được lợi mình, thì trong thời gian lâu dài lúc nào cũng được sanh ra chỗ có bậc Thánh, các căn đầy đủ, không ngu, không si, không câm ngọng<sup>44</sup>; nói hay, nói dở đều có khả năng hiểu nghĩa.

"Ta nay trong đời này là Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nói pháp tịch diệt, Niết-bàn, chánh hướng đúng Bồ-đề, khéo đến Đẳng chánh giác<sup>45</sup>. Tức là, 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh có hành, duyên hành có thức... cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn; vô minh diệt thì hành diệt... cho đến thuần một khối khổ lớn diệt.'

"Này các Tỳ-kheo, các ông chỗ khó được đã được, sanh chỗ có bậc Thánh, các căn đầy đủ... cho đến tập khởi thành thuần một khối khổ lớn và thuần một khối khổ lớn diệt. Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy: Tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi; sự xuất gia như vậy, không ngu, không si, có quả, có lạc, có quả báo lạc. Và người cúng dường y phục, ẩm thực, ngọt cù, thuốc men, chắc chắn sẽ được quả báo tốt, phước lớn và lợi ích rộng lớn. Các Tỳ-kheo nên học như vậy."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

<sup>44</sup>: Hán: bất tu thủ ngữ 不須手語, không cần nói bằng tay.

<sup>45</sup>: Xem cht. 42 trên.

### KINH 350. THÁNH ĐỆ TỬ<sup>46</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đa văn Thánh đệ tử không nên nghĩ rằng: ‘Vì cái gì có nên cái này có, vì cái gì khởi nên cái này khởi’<sup>47</sup>; vì cái gì không nên cái này không; vì cái gì diệt nên cái này diệt.’ Nhưng đa văn Thánh đệ tử nên biết rằng: ‘Vì cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, tức là duyên vô minh nên có hành... cho đến tập khởi thành thuần một khố khổ lớn; vô minh diệt nên hành diệt... cho đến thuần một khố khổ lớn diệt.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 351. MẬU-SƯ-LA<sup>48</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Na-la, Tôn giả Mậu-sư-la, Tôn giả Thủ Thắng và Tôn giả A-nan<sup>49</sup> đang ở bên ao Tượng nhĩ tại nước Xá-vệ<sup>50</sup>. Bấy giờ Tôn giả Na-la nói với Tôn giả Mậu-sư-la:

“Ngoại trừ tín, ngoại trừ sở thích, ngoại trừ sở văn, ngoại trừ giác tưởng hành tưởng, ngoại trừ tham sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh nào như vậy phát sanh không, tức là nói ‘Do sanh nên có già chết; không lìa sanh mà có già chết’<sup>51</sup>? ”

<sup>46.</sup> Pāli, S. 12. 49. Ariyasāvaka.

<sup>47.</sup> Pāli: kiṃ nu kho kismiṃ sati kiṃ hoti; kissūppadā kiṃ uppajjati, trong khi cái gì hiện hữu, cái đó hiện hữu? Do cái gì sanh mà cái gì đó sanh?

<sup>48.</sup> S. 12. 68. Kosambi.

<sup>49.</sup> Na-la 那 羅 (Pāli: Nārada), Mậu-sư-la 茂 師 羅 (Musila), Thủ-thắng (Pavīṭha) A-nan 阿 難 (Ānanda).

<sup>50.</sup> Bản Pāli: ở tại Kosambiyaṃ Ghositārāme.

<sup>51.</sup> Hán: dì tín, dì dục, dì văn, dì hành giác tưởng, dì kiến tham để nhẫn 異 信 異 欲 異 聞 異 行 覺 想 異 見 審 諦 忍. Pāli: aññatreva (...) saddhāya aññatra ruciya aññatra anussavā aññatra ākāraparivitakkā aññatra ditthinijjhānakkhantiyā. Tiếng Phạn: aññatra, một cách khác biệt, hay ngoại trừ; Hán dịch là dì, nên hiểu là trạng từ chứ không phải tính từ.

Tôn giả Mậu-sư-la nói:

“Ngoại trừ tín, ngoại trừ sở thích, ngoại trừ sở văn, ngoại trừ giác tưởng hành tưởng, ngoại trừ tham sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: ‘Vì có sanh nên có già, chết, không thể ngoại trừ sanh mà có già, chết.’ Có thuyết như vậy<sup>52</sup>.”

“Bạch Tôn giả Mậu-sư-la, có tin tưởng khác... cho đến, ngoại trừ tham sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh nào như vậy phát sanh, tức là nói: ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn<sup>53</sup>’ chăng?”

Tôn giả Mậu-sư-la đáp:

“Ngoại trừ tín,... cho đến, ngoại trừ tham sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn.’”

Tôn giả Na-la lại hỏi Tôn giả Mậu-sư-la:

“Nói rằng ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn;’ vậy thì thầy có phải là A-la-hán đã dứt các lậu chăng?”

Tôn giả Mậu-sư-la im lặng, không đáp. Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba, cũng không đáp. Khi ấy Tôn giả Thủ Thắng nói với Tôn giả Mậu-sư-la:

“Thôi, Tôn giả cứ im lặng, tôi sẽ thay Tôn giả trả lời Tôn giả Na-la.”

Tôn giả Mậu-sư-la nói:

“Tôi xin dừng nơi đây, Tôn giả hãy giải đáp giúp tôi.”

Khi ấy Tôn giả Thủ Thắng nói với Tôn giả Na-la:

“Ngoại trừ tín,... cho đến, ngoại trừ tham sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn.’”

Bấy giờ, Tôn giả Na-la hỏi Tôn giả Thủ Thắng:

“Ngoại trừ tín,... cho đến, ngoại trừ tham sát nhẫn thọ, có tri kiến tự giác chân chánh như vậy phát sanh, tức là nói: ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn; vậy nay Tôn giả là A-la-hán lậu tận’ chăng?”

Tôn giả Thủ Thắng nói:

<sup>52.</sup> Pāli: paccattam eva ñāṇam, tự mình có nhận thức như vậy.

<sup>53.</sup> Pāli: bhavanirodho nibbānan ti, sự diệt tận của hữu là Niết-bàn.

“Tôi nói ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn,’ nhưng tôi chẳng phải là A-la-hán sạch hết các lậu.”

Tôn giả Na-la nói:

“Lời nói của Tôn giả không đồng nhất, trước sau mâu thuẫn. Như Tôn giả nói ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn;’ nhưng lại nói không phải là A-la-hán sạch hết các lậu, như vậy là thế nào?”

Tôn giả Thủ Thắng nói với Tôn giả Na-la:

“Bây giờ sẽ nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu liền. Như giữa cánh đồng vắng bên đường có giếng nước, nhưng không có dây cung không có gầu để lấy nước. Người đi đường lúc ấy bị cơn khát bức bách, đi quanh giếng tìm nhưng không có dây, cũng không có gầu. Người ấy xem xét kỹ nước giếng thấy biết như thật mà chẳng chạm vào thân. Cũng như thế tôi nói ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn,’ nhưng tự mình chưa được là bậc A-la-hán sạch hết các lậu.”

Khi ấy Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Na-la:

“Tôn giả Na-la nghĩ thế nào về điều Tôn giả Thủ Thắng nói.”

Tôn giả Na-la trả lời Tôn giả A-nan:

“Tôn giả Thủ Thắng khéo nói và biết như thật, đâu còn gì để nói nữa.”

Sau khi đàm đạo xong, các vị Chánh sĩ rời chỗ ngồi đứng lên, rồi ra đi.

\*\*  
\*

### KINH 352. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (1)<sup>54</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì người này chẳng phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn,

---

<sup>54</sup>. S. 12. 13. Samaṇa-brāhmaṇā.

chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn. Người này chẳng đúng với ý nghĩa Sa-môn hay Bà-la-môn<sup>55</sup>, ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Thế nào là chẳng biết như thật về pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về sự tập khởi của pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về sự diệt tận của pháp? Thế nào là chẳng biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp? Là đối với pháp già chết mà không biết như thật; và không biết như thật về sự tập khởi đối với già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, không biết như thật đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ,... không biết như thật về sự tập khởi của lục nhập xứ, về sự diệt tận của lục nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của lục nhập xứ. Như vậy là không biết như thật về các pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về pháp; biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì Sa-môn, Bà-la-môn này được kể vào hàng Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh, đúng với nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn, ngay trong đời này mà tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Biết như thật những pháp gì? Biết như thật những pháp gì, sự tập khởi của pháp gì, sự diệt tận của pháp gì, con đường đưa đến sự diệt tận của pháp gì? Đó là pháp già chết nên biết như thật. Nên biết như thật về sự tập khởi của già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, đối với sanh, hữu, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ nên biết như thật. Nên biết như thật về sự tập khởi của lục nhập xứ, về sự diệt tận của lục nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của lục nhập xứ. Đó là biết như thật về các

<sup>55</sup>. Sa-môn nghĩa, Bà-la-môn nghĩa 沙門義, 婆羅門義. Pāli: sāmaññattham brāhmaññattham, đối với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn.

pháp; biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 353. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (2)<sup>56</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì người này chẳng phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn; người này chẳng đúng với ý nghĩa Sa-môn, hay Bà-la-môn, ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Không biết như thật về những pháp nào, không biết như thật về sự tập khởi của những pháp nào, về sự diệt tận của những pháp nào, về con đường đưa đến sự diệt tận của những pháp nào? Không biết như thật về pháp sáu nhập xứ; không biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, về sự diệt tận của sáu nhập xứ diệt, về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ. Nhưng nếu đối với xúc mà vị này lại biết như thật thì không thể được; đối với sự tập khởi của xúc, về sự diệt tận của xúc, về con đường đưa đến sự diệt tận của xúc mà biết như thật, thì không thể có được. Cũng vậy, đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già, chết mà biết như thật thì cũng không thể có được.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật về của sáu nhập xứ; biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, về sự diệt tận của sáu nhập xứ, về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ, thì việc

---

<sup>56.</sup> S. 12. 14. Samāṇa-brāhmaṇā.

biết như thật về sự hiện hữu của xúc, điều này có thể có được. Cũng vậy, biết như thật đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết..., điều này có thể có được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 354. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (3)<sup>57</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

*Nói như trên, chỉ có một vài điểm sai biệt như:*

“Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về sáu nhập xứ mà muốn vượt thoát khỏi xúc, thì không thể có được; đối với sự tập khởi của xúc, sự diệt tận của xúc, con đường đưa đến sự diệt tận của xúc mà muốn vượt thoát, thì cũng không thể có được. Cũng vậy, đối với thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết mà muốn vượt thoát khỏi chúng, điều này cũng không thể có được. Và muốn vượt thoát khỏi sự tập khởi của già chết, sự diệt tận của già chết, con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, điều này không thể có được.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật sáu nhập xứ; biết như thật đối với sự tập khởi của sáu nhập xứ, đối với sự diệt tận của sáu nhập xứ, đối với con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ, thì vượt thoát khỏi sự hiện hữu của xúc; điều này có thể có được. Cũng vậy, muốn vượt thoát khỏi thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết, điều này có thể có được,... muốn vượt thoát khỏi con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, điều này có thể có được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Cũng vậy, từ già chết... lục nhập xứ có ba kinh, từ già chết đến hành có ba kinh cũng nói như vậy.*

\*\*  
\*

---

<sup>57</sup>. S. 12. 71-81. Samaṇa-brāhmaṇā.

### KINH 355. LĀO TŪ<sup>58</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy giác tri về già chết<sup>59</sup>, giác tri về sự tập khởi của già chết, về sự diệt tận của già chết, về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như vậy, cho đến giác tri về hành, về sự tập khởi của hành, về sự diệt tận của hành, về con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

“Thế nào là hãy giác tri thế nào về già chết? Giác tri rằng duyên sanh nén có già chết, như vậy gọi là giác tri về già chết.

“Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự tập khởi của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khởi, như vậy gọi là giác tri về sự tập khởi của già chết.

“Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự diệt tận của già chết? Sanh diệt đi thì già chết cũng diệt, như vậy gọi là giác tri về sự diệt tận của già chết.

“Thế nào là hãy giác tri thế nào về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết? Tâm Thánh đạo, đó là con đường đưa đến sự diệt tận của già chết, như vậy gọi là giác tri lão về con đường đưa đến sự diệt tận của tử.

“Cho đến, thế nào là hãy giác tri thế nào về hành? Có ba hành: thân hành, khẩu hành, ý hành; như vậy gọi là giác tri về sự hiện hữu của hành.

“Thế nào là hãy giác tri về sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi; như vậy gọi là giác tri về sự tập khởi của hành.

“Thế nào là hãy giác tri thế nào về sự diệt tận của hành? Vô minh diệt đi thì hành cũng diệt, như vậy gọi là giác tri về sự diệt tận của hành.

“Thế nào là hãy giác tri thế nào về con đường đưa đến sự diệt

<sup>58</sup>. Pāli, S. 12. 28. Bhikkhu.

<sup>59</sup>. Pāli: bhikkhu jarāmaraṇam pajānāti.

tận của hành? Tám Thánh đạo, đó là con đường đưa đến sự diệt tận của hành, như vậy gọi là giác tri về con đường đưa đến sự diệt tận của hành."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 356. CHỦNG TRÍ<sup>60</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Có bốn mươi bốn thứ trí<sup>61</sup>, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

"Bốn mươi bốn thứ trí là gì? Đó là trí về già chết, trí về sự tập khởi của già chết, trí về sự diệt tận của già chết, trí về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, đối với trí sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí về sự tập khởi của hành, trí về sự diệt tận của hành, trí về con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Đây gọi là bốn mươi bốn trí."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 357. VÔ MINH TĂNG (I)<sup>62</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy mươi bảy thứ trí, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bảy mươi bảy thứ trí? Đó là trí về sanh

<sup>60</sup>. Pāli, S. 12. 33. Nāṇavatthūni (1).

<sup>61</sup>. Tứ thập tứ chủng trí 四十四種智. Pāli: catucattārasaṃñāṇavatthūni, bốn mươi bốn sự kiện của trí.

<sup>62</sup>. Pāli, S. 12. 34. Nāṇavatthūni (2).

duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh làm duyên mà có già chết<sup>63</sup>; trí về sanh quá khứ làm duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh quá khứ làm duyên mà có già chết; trí về sanh vị lai làm duyên nên có già chết; cùng với trí về pháp trụ, là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri<sup>64</sup>. Cũng vậy, trí về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí về vô minh duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh làm duyên mà có hành; trí về vô minh quá khứ làm duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh quá khứ làm duyên mà có hành; trí về vô minh vị lai làm duyên nên có hành, trí về sự chẳng phải ngoài vô minh vị lai làm duyên mà có hành; cùng với trí pháp trụ là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri. Đó gọi là bảy mươi bảy thứ trí.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 358. VÔ MINH TĂNG (2)<sup>65</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có pháp tăng, pháp giảm, hãy lắng nghe, khéo tư duy, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là pháp tăng? Vì cái này có nên cái kia có, vì cái này khởi nên cái kia khởi, là do duyên vô minh nên có hành, duyên

<sup>63</sup>. Pāli: asati jātiyā natthi jarāmarañanti, trí (nhận thức) về sự kiện, khi không có sanh thì không có già chết.

<sup>64</sup>. Pāli: yampissa tam dhammaṭṭhitīñāṇam tampi khayadhammam vayadhammam virāgadhammam nirodhadhamman ti ñāṇam, nơi nào có pháp trụ trí, nơi đó cũng có trí (nhận thức) về pháp tận diệt, pháp hủy hoại, pháp ly tham, pháp diệt.

<sup>65</sup>. Pāli, S. 12. 35-36. Avijjā-paccāya.

hành nên có thức... cho đến thuần một khối khổ lớn tụ tập. Đó gọi là pháp tăng.

“Thế nào là pháp giảm? Vì cái này không nên cái kia không, do cái này diệt nên cái kia diệt, là vì vô minh diệt nên hành diệt... cho đến thuần một khối khổ lớn diệt. Đó gọi là pháp giảm.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Như pháp tăng và pháp giảm. Cũng vậy, pháp sanh, pháp biến dịch, pháp tập khởi, pháp diệt tận cũng nói như trên.*

*Như ba kinh đang nói, nên biết có ba kinh cũng nói như trên.*

\*\*  
\*

### KINH 359. TƯ LƯƠNG (I)<sup>66</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu để cho suy lường, để cho vọng tưởng sanh khởi, để cho kia sai sử, thì thức duyên níu mà tồn tại<sup>67</sup>. Vì có chỗ duyên níu cho thức trú nên trong đời vị lai có sanh, lão, tử, ưu, bi, khổ, não và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.

“Nếu không suy lường, không vọng tưởng, không để cho kia sai sử thì thức không có chỗ duyên níu mà tồn tại. Vì thức không có chỗ duyên níu mà tồn tại nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy bị diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>66</sup>. Pāli, S. 12. 38. Cetanā (1).

<sup>67</sup>. Pāli: yañca bhikkhave ceteti yañca pakappeti yañca anuseti, ārammaṇam etamp; hoti nāṇassa ṭhitiyā, tư duy về cái gì, trú tính về cái gì, ấp út cái gì, thức sē vin níu vào cái đó mà trú.

## KINH 360. TƯ LƯƠNG (2)<sup>68</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sứ<sup>69</sup> khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc. Vì nhập vào danh sắc nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn.

“Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sứ khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc; vì không nhập vào danh sắc nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy bị diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

## KINH 361. TƯ LƯƠNG (3)<sup>70</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sứ khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc<sup>71</sup>. Vì nhập vào danh sắc nên có qua lại. Vì có qua lại nên có sanh tử. Vì có sanh tử nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở

<sup>68</sup>. Pāli, S, 12. 39. Cetanā (2).

<sup>69</sup>. Hữu sứ 有使; kinh 359: bỉ sứ 彼使. Pāli: yañca anusevati: nó tiêm phục theo cái gì, nó thầm nghĩ về cái gì. Bản Hán đọc là anusevati: theo phục vụ. Xem cht.67 kinh 359 trên.

<sup>70</sup>. S, 12. 40. Cetanā.

<sup>71</sup>. Pāli: tasmiṃ patiṭṭhe viññāṇe virūlhe natī hoti; natiyā sati āgatigatī hoti, khi thức an trú và tăng trưởng, nó có xu hướng. Do có xu hướng, có sự đến và đi.

đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.

“Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sứ khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc. Vì không nhập vào danh sắc nên không qua lại. Vì không qua lại nên không sanh tử. Vì không sanh tử nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng bị diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 362. ĐA VĂN ĐỆ TỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có Tỳ-kheo đa văn. Như Lai tuyên bố như thế nào là một Tỳ-kheo đa văn?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của pháp, cùi xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào nghe pháp già, bệnh, chết sanh nhảm躁, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo đa văn. Cũng vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập xứ, danh sắc, thức, hành, sanh nhảm躁, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo đa văn. Đó là Như Lai tuyên bố về Tỳ-kheo đa văn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 363. THUYẾT PHÁP TỲ-KHEO (1)<sup>72</sup>

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Gọi là Tỳ-kheo thuyết pháp<sup>73</sup>. Thế nào là Tỳ-kheo thuyết pháp? Như Lai tuyên bố như thế nào là một Tỳ-kheo thuyết pháp?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của pháp, cúi xin vì chúng con mà nói; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào nói về già, bệnh, chết, sanh nhảm躁, ly dục, diệt tận, thì đó là Tỳ-kheo thuyết pháp. Cũng vậy, nói các pháp sanh, thủ, hữu, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành, sanh nhảm躁, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Tỳ-kheo nói pháp. Các Tỳ-kheo, đó là Như Lai nói về Tỳ-kheo nói pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 364. THUYẾT PHÁP TỲ-KHEO (2)<sup>74</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Gọi là hướng đến pháp thứ pháp<sup>75</sup>, vậy này các Tỳ-kheo, thế nào là hướng đến pháp thứ pháp?”

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, sở y của

<sup>72</sup>. Pāli, S. 12. 16. Dhammadhatika.

<sup>73</sup>. Pāli: dhammadhatiko.

<sup>74</sup>. S. 12. 16. Dhammadhatika.

<sup>75</sup>. Pháp thứ pháp hướng 法次法向; cũng nói là pháp tùy pháp hành 法隨法行. Pāli: dhammānudhammā-paṭipanno, thực hành pháp và tùy pháp, thực hành tùy thuận theo tuần tự của pháp.

pháp, cúi xin vì chúng con mà nói; các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào đối với già, bệnh, chết mà sanh nhảm惱, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là hướng đến pháp thứ pháp. Cũng vậy, từ sanh cho đến hành, mà sanh nhảm惱, ly dục, hướng đến diệt tận, thì đó gọi là hướng đến pháp thứ pháp. Đây cũng gọi là Như Lai thi thiết sự hướng đến pháp thứ pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



## TẠP A-HÀM QUYẾN 15

### KINH 365. THUYẾT PHÁP<sup>1</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Gọi là ‘Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại<sup>2</sup>.’ Vậy thế nào là Như Lai nói về Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin vì chúng con mà nói về Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ y theo lời dạy mà thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Nếu có Tỳ-kheo đối với già, bệnh, chết sanh nhảm惱, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm khéo giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo Bát-niết-bàn ngay trong đời hiện tại.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 366. TỲ-BÀ-THI<sup>3</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Đức Phật Tỳ-bà-thi<sup>4</sup> khi chưa thành Chánh giác, một mình ở

<sup>1</sup>. Pāli, S. 12, 16. Dhammadhatika.

<sup>2</sup>. Kiến (=hiện) pháp Bát-niết-bàn 見法般涅槃. Pāli: diṭṭhadhamma nibbānapatta, chứng đắc Niết-bàn ngay trong thực tế được thấy, nghĩa là ngay trong đời này.

<sup>3</sup>. S. 12, 4-9. Vipassī.

<sup>4</sup>. Tỳ-bà-thi 毘婆尸. Pāli: Vipassī.

chỗ vắng vẻ chuyên cần tinh tấn thiền định tư duy và nghĩ như vậy: ‘Tất cả thế gian đều nhập vào trong sanh tử, tự sanh, tự chín, tự diệt và tự chìm mất<sup>5</sup>, nhưng những chúng sanh này chẳng biết như thật về con đường xuất thế gian, vượt qua khỏi già chết.’ Ngài liền tự quán sát: ‘Do duyên gì mà có già chết này?’ Ngài quán sát tư duy chân chánh như vậy, đạt được hiện quán như thật<sup>6</sup>, khởi lên biết: ‘Vì có sanh nên có già chết này, vì duyên vào sanh nên có già chết.’ Ngài lại chân chánh tư duy: ‘Do duyên gì nên có sanh này?’ Ngài lại chân chánh tư duy nên đạt được hiện quán như thật, biết rằng: ‘Do duyên hữu nên có sanh.’ Ngài lại chân chánh tư duy: ‘Vì duyên gì nên có hữu?’ Ngài lại chân chánh tư duy, phát khởi hiện quán như thật, biết rằng: ‘Do có thủ nên có hữu.’ Ngài lại tư duy chân chánh: ‘Do duyên gì nên có thủ?’ Ngài lại tư duy chân chánh, phát khởi hiện quán như thật, quán sát thấy chấp thủ pháp, đắm trước vị, tham luyến, ái được tăng trưởng do duyên xúc. Nên biết, duyên ái nên có thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có lão, tử, ưu, bi, khổ, não và tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy. Ví như nhờ vào dầu và tim đèn nên đèn sáng. Nếu người kia lúc nào cũng châm thêm dầu và khơi tim, thì đèn kia luôn sáng, thắp sáng không ngừng.’ *Chi tiết như thí dụ về cái thành trước đây<sup>7</sup>.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Như Phật Tỳ-bà-thi; cũng vậy Phật Thi-khí, Phật Tỳ-thấp-bà-phù, Phật Ca-la-ca-tôn-đề, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp<sup>8</sup> đều nói chi tiết như trên.*

\*\*

<sup>5</sup>. Pāli: kicchañ vatāyam loko āpanno jāyati ca jīyati ca mīyati ca cavati ca uppajjati ca, quả thật thế gian này bị rơi hâm vào trong khổ nạn, sanh ra, già cỗi, chết, tiêu vong, rồi tái sanh.

<sup>6</sup>. Nguyên Hán: như thật vô gián đẳng 如 寂 無 間 等. Xem cht.67, kinh 23.

<sup>7</sup>. Xem kinh 287.

<sup>8</sup>. Thi-khí 戍棄, (Pāli: sikkhi); Tỳ-thấp-bà-phù 毗濕婆浮 (Vessabhū); Ca-la-ca-tôn-đề 迦羅迦孫提, (Kakusandha); Ca-na-ca Mâu-ni 迦那迦牟尼 (Koṇagāmanī); Ca-diếp 迦葉 (Kassapa).

### KINH 367. TU TẬP<sup>9</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện tu tập thiền định, tư duy, nội tâm tĩnh lặng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo cần phải tinh tấn siêng năng phương tiện thiền định, tư duy, khiến nội tâm tĩnh lặng, hiển hiện như thật như vậy. Thế nào là hiển hiện như thật? Già chết được hiển hiện như thật<sup>10</sup>, sự tập khởi của già chết, sự diệt tận của già chết, con đường đưa đến sự diệt tận của già chết được hiển hiện như thật. Sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành được hiển hiện như thật; sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành, con đường đưa đến sự diệt tận của hành được hiển hiện như thật. Các pháp này vốn vô thường, hữu vi, hữu lậu, được hiển hiện như thật.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 368. TAM-MA-ĐỀ<sup>11</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nên tu vô lượng tam-ma-đề, chuyên cần tinh tấn cột niệm tu vô lượng Tam-ma-đề, khi đã chuyên cần tinh tấn cột niệm rồi, thì sẽ hiển hiện như thật như vậy. Thế nào là hiển hiện như thật? Già chết hiển hiện như thật, cho đến hành hiển hiện như thật. Các pháp này vốn vô thường, hữu vi, hữu lậu, được hiển hiện như thật như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>9</sup>. S. 12. 83. Sikkhā; 84. Yoga.

<sup>10</sup>. Như thật hiển hiện 如 實 顯 現 . Pāli: (...) jarāmarañe yathābhūtam sikkhā karaṇiyā, cần phải học tập để có trí tuệ như thật về già chết.

<sup>11</sup>. Pāli, xem kinh 367.

## KINH 369. THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN (1)<sup>12</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thuở xưa Đức Phật Tỳ-bà-thi khi chưa thành Chánh giác, trú chổ Bồ-đề<sup>13</sup> không bao lâu thì thành Phật. Rồi đến dưới cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa ngồi kiết già, ngồi thẳng, chánh niệm. Ngồi suốt bảy ngày, đối với mười hai duyên khởi, quán sát thuận nghịch như vầy: ‘Do cái này có nên cái kia có, vì cái này khởi nên cái kia khởi; duyên vô minh nên có hành... cho đến, duyên sanh nên có già chết và tụ tập thuần một khố khổ lớn và thuần một khố khổ lớn diệt.’”

Đức Phật Tỳ-bà-thi sau đúng bảy ngày tịnh tọa, từ tam-muội tịnh giác nói kệ này:

*Các pháp sanh như thế,  
Phạm chí siêng thiền tu,  
Lìa hẳn các nghi hoặc,  
Biết pháp nhân duyên sanh.  
Nếu biết nhân sanh khố,  
Biết các thọ diệt tận,  
Biết pháp nhân duyên hết,  
Thì biết hữu lậu hết.  
Các pháp sanh như thế,  
Phạm chí siêng thiền tu,  
Lìa hẳn các nghi hoặc,  
Biết có nhân sanh khố.  
Các pháp sanh như thế,  
Phạm chí siêng thiền tu,  
Lìa hẳn các nghi hoặc,  
Biết các thọ diệt hết.  
Các pháp sanh như thế,*

<sup>12.</sup> Pāli, xem kinh 366.

<sup>13.</sup> Bồ-đề sở 菩 提 所 , chỉ Bồ-đề đạo tràng (P. bodhimanda).

*Phạm chí siêng thiền tu,  
Lìa hẳn các nghi hoặc,  
Biết pháp nhân duyên hết.  
Các pháp sanh như thế,  
Phạm chí siêng thiền tu,  
Lìa hẳn các nghi hoặc,  
Biết hết các hữu lậu.  
Các pháp sanh như thế,  
Phạm chí siêng thiền tu,  
Chiếu sáng khắp thế gian,  
Như mặt trời giữa không,  
Phá tan các quân ma,  
Biết các kết giải thoát.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Như Phật Tỳ-bà-thi; cũng vậy Phật Thi-kí, Phật Tỳ-thấp-ba-phù, Phật Ca-la-ca-tôn-đè, Phật Ca-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp<sup>14</sup> cũng nói như vậy.*

\*\*  
\*

## KINH 370. THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tòa đại Bồ-đề<sup>15</sup>, bên bờ sông Ni-liên-thiền, tại Uất-tỳ-la<sup>16</sup>, thì sau đó một thời gian ngắn Ngài thành Chánh giác. Ngài đến dưới bóng cây Bồ-đề trải cỏ làm tòa, ngồi kiết già, chánh thân, chánh niệm. Nói đầy đủ như trên.

\*\*  
\*

<sup>14.</sup> Xem cht.8 kinh 366.

<sup>15.</sup> Đại Bồ-đề sở, xem cht.13, kinh 369.

<sup>16.</sup> Uất-tỳ-la Ni-liên-thiền hà 鬱毗羅尼連禪河. Pāli: sông Nerañjarā, ở thôn Uruvelā, chỗ Phật tắm trước khi thành đạo.

KINH 371. THỰC<sup>17</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô từng nấm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức<sup>18</sup>. Bốn loại thức ăn này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc<sup>19</sup> gì? Bốn loại thức ăn này do ái là nhân, ái là tập, ái là sanh, ái là xúc. Ái này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Ái do thọ là nhân, thọ là tập, thọ là sanh, thọ là xúc. Thọ này do nhân gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Thọ do xúc là nhân, xúc là tập, xúc là sanh, xúc là xúc. Xúc này do nhân là gì, tập gì, sanh gì, xúc gì? Xúc do sáu nhập xứ là nhân, sáu nhập xứ là tập, sáu nhập xứ là sanh, sáu nhập xứ là xúc. Khi sáu nhập xứ tụ tập thì xúc tụ tập, xúc tụ tập thì thọ tụ tập, thọ tụ tập thì ái tụ tập, ái tụ tập thì thức ăn tụ tập. Vì thức ăn tụ tập nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai tụ tập và thuần một khối khổ lớn tụ tập như vậy. Ngược lại nếu sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thức ăn diệt. Vì thức ăn diệt nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai cũng diệt và thuần một khối khổ lớn đã tụ tập cũng bị diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>17</sup>. Pāli, 12. 11. Āhāra.

<sup>18</sup>. Tứ thực: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực 粗 搏 食 細 觸 食 意 思 食 識 食. Pāli: cattārome... āhārā (...): kabalikāro āhāro olāriko vā sukhumo (thức ăn vật chất, thô hoặc tế); phasso (xúc chạm), manosañcetanā (tư duy và ý chí), viññāṇam (thức).

<sup>19</sup>. Nhân tập sanh xúc 因 集 生 觸: nơi khác dịch: nhân tập sanh chuyển 轉. Pāli: nidāna nguyên do), samudaya (tập hợp sanh khởi), jātika (sản sanh), pabhava (xuất hiện).

## KINH 372. PHẢ-CẦU-NA<sup>20</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô từng nấm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Khi ấy, có Tỳ-kheo tên là Phả-cầu-na<sup>21</sup> đang đứng sau, quạt hầu, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn ai ăn thức này<sup>22</sup>?”

Phật bảo Phả cầu na:

“Ta không nói có người ăn thức<sup>23</sup>. Nếu Ta nói có người ăn thức, thì người nên hỏi câu ấy. Ở đây Ta nói thức là thức ăn, vậy người nên hỏi như vậy: ‘Do nhân duyên gì mà có thức ăn của thức?’ Ta sẽ đáp: ‘Thức ăn của thức, có thể chiêu cảm hữu trong vị lai khiến cho nó tiếp tục sanh; do có hữu nên có sáu nhập xứ; do sáu nhập xứ làm duyên nên có xúc.’”

Phả cầu na lại hỏi:

“Ai xúc?”

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người xúc. Nếu Ta nói có người xúc thì người nên hỏi câu này: ‘Ai xúc?’ Ở đây người nên hỏi như vậy: ‘Do nhân duyên gì mà sanh xúc?’ Ta sẽ đáp như vậy: ‘Do sáu nhập xứ làm duyên nên sanh xúc; do xúc làm duyên nên sanh thọ.’”

Lại hỏi:

“Ai thọ?”

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người thọ. Nếu Ta nói có người thọ, thì người nên hỏi: ‘Ai thọ?’ Ở đây người nên hỏi: ‘Do nhân duyên gì nên có

<sup>20</sup>. S. 12. 12. Phagguna.

<sup>21</sup>. Phả-cầu-na 頗求那. Pāli: Moliyaphagguna.

<sup>22</sup>. Pāli: ko nu kho, bhante, viññāṇāhāraṇī āhāretī ti, ai hāp thu thức ăn của thức này?

<sup>23</sup>. Pāli: “āhāretī ti” na aham vadāmi, Ta không nói: “Nó ăn”.

thọ?’ Ta sẽ đáp như vậy: ‘Do xúc làm duyên nên có thọ; thọ làm duyên nên có ái.’”

Lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, ai ái<sup>24</sup>? ”

Phật bảo Phả cầu na:

“Ta không nói có người ái. Nếu Ta nói có người ái, thì người nên hỏi: ‘Ai ái?’ Ở đây người nên hỏi: ‘Do nhân duyên gì nên có ái?’ Ta sẽ đáp như vậy: ‘Do duyên thọ nên có ái; do ái làm duyên nên có thủ.’”

Lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, ai thủ? ”

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người thủ. Nếu Ta nói có người thủ thì người nên hỏi: ‘Ai thủ?’ Ở đây người nên hỏi: ‘Vì duyên gì nên có thủ?’ Ta sẽ đáp: ‘Do duyên ái nên có thủ; do thủ làm duyên nên có hữu.’”

Lại hỏi:

“Bạch Thế Tôn, ai hữu<sup>25</sup>? ”

Phật bảo Phả-cầu-na:

“Ta không nói có người hữu. Nếu Ta nói có người hữu thì người nên hỏi: ‘Ai hữu?’ Ở đây người nên hỏi: ‘Do duyên gì nên có hữu?’ Ta sẽ đáp: ‘Do duyên thủ nên có hữu; có thể chiêu cảm sự chuyện hiện của hữu<sup>26</sup> trong vị lai.’ Đó gọi là do có hữu nên có sáu nhập xứ; sáu nhập xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, nāo và thuần một khối khổ tụ tập như vậy. Ngược lại nếu lục nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, nāo diệt và thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>24</sup>. Pāli: ko nu kho tasatī ti, ai khát ái (khát vọng)?

<sup>25</sup>. Bản Pāli, từ chí này trở đi, không có câu hỏi như vậy.

<sup>26</sup>. Trong nguyên bản: đương lai hữu xúc 當來有觸: đây sửa lại là đương lai hữu chuyển 轉. Xem cht.19 kinh 371.

### KINH 373. TỬ NHỤC<sup>27</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nấm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức.

“Tỳ-kheo quán sát thức ăn từng nấm như thế nào?

“Ví như hai vợ chồng chỉ có một đứa con để thương yêu nuôi nấng. Họ muốn vượt qua con đường hiểm trong hoang mạc, chỗ có tai nạn. Lương thực thì đã hết sạch, đói khát cùng cực, không còn kế sách nào để cứu vãn, họ bàn nhau: ‘Chúng ta có một đứa con rất mực là thương yêu; nếu ăn thịt con thì mới có thể thoát qua cơn hiểm nạn này. Chớ để cả ba ở đây cùng chịu chết!’ Suy tính như vậy xong, họ ngậm ngùi thương xót rơi lệ, liền giết chết con, gượng ăn thịt con để đi qua khỏi hoang mạc. Thế nào, các Tỳ-kheo, vợ chồng người kia cùng nhau ăn thịt con há vì để nhận vị ngọt hay vì ham thích ngon sướng mà ăn?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, không phải vậy!”

Lại hỏi:

“Này các Tỳ-kheo, có phải vợ chồng người kia gượng ăn thịt con để vượt qua khỏi đường hiểm trong hoang mạc chẳng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm ăn thức ăn vo nấm nên quán như vậy. Khi quán như vậy thì thức ăn vo nấm được đoạn, được biết; thức ăn vo nấm được đoạn, được biết<sup>28</sup> rồi, đối với năm công đức của dục, tâm tham ái sẽ đoạn trừ. Đối với ngũ dục tâm tham ái đã đoạn trừ, Ta không thấy đa văn Thánh

<sup>27</sup>. Ăn thịt con. Pāli, S. 12. 63. Puttamamsa.

<sup>28</sup>. Đoạn tri 斷知, tức hoàn toàn đoạn trừ. Pāli: pariññāto hoti, được biến tri.

đệ tử kia trên năm công đức của dục còn có một kết sử nào mà không dứt. Bởi vì còn có một kết sử trói buộc thì sẽ tái sanh lại cõi đời này.

“Tỳ-kheo quán sát thức ăn bằng xúc chạm như thế nào? Ví như con bò bị lột da sống, khắp mọi nơi trên thân bị các sâu bọ rút rỉa, đất cát, bụi bặm, cây cỏ châm chích. Nếu như nằm nơi đất thì bị trùng ở đất ăn, nếu nằm nơi nước thì bị trùng ở nước ăn, nếu ở nơi hư không thì bị phi trùng ăn; nằm xuống đứng lên thường bị đau đớn thân mình. Như vậy, Tỳ-kheo đối với xúc thực nên quán như thế. Khi quán như thế thì xúc thực được đoạn, được biết. Người đã đoạn đã biết xúc thực, thì ba thọ ắt sẽ đoạn trừ. Ba thọ đã được đoạn trừ, đa văn Thánh đệ tử không còn điều gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong.

“Tỳ-kheo quán sát thức ăn bằng ý chí như thế nào? Ví như ven làng xóm hay thành ấp bốc lửa, nhưng không có khói, không có ngọn lửa. Bấy giờ có người thông minh, có trí tuệ, xả bỏ khổ, hướng đến an vui, chán chết, thích sống, liền nghĩ như vậy: ‘Nơi kia có lửa lớn, nhưng không khói, không ngọn, người đi qua phải tránh, chờ để bị lạc vào trong đó, chắc chắn sẽ chết, không nghi gì nữa.’ Suy nghĩ như vậy rồi người này thường mong ước phải bỏ đi xa. Quán ý tư thực cũng như vậy. Người nào quán như vậy thì ý tư thực được đoạn; người trừ được ý tư thực thì ba ái chắc chắn sẽ dứt. Ba ái đã đoạn trừ, đa văn Thánh đệ tử không còn điều gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong.

“Tỳ-kheo quán sát thức ăn của thức như thế nào? Ví như quốc vương có quân lính tuần phòng bắt được trộm cướp, trói lại đem đến chổ nhà vua. (*Như trong kinh Tu-thâm đã nói ở trước*). Vì nhân duyên này nên phải chịu ba trăm mũi giáo, bị đau đớn khổ sở suốt ngày đêm. Quán sát thức thực cũng lại như vậy. Người nào quán như vậy thì thức thực được đoạn, được biết. Thức thực đã đoạn, đã biết rồi thì danh sắc sẽ được đoạn, được biết. Danh sắc đã đoạn, đã biết, đa văn Thánh đệ tử không còn điều gì cần phải làm thêm nữa, vì những việc cần làm đã làm xong.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

### KINH 374. HỮU THAM (1)<sup>29</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nấm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn cách ăn này mà có hỷ, có tham thì thức ăn sẽ trụ và tăng trưởng. Do thức trụ và tăng trưởng nó nên nhập vào danh sắc<sup>30</sup>. Vì nó nhập vào danh sắc nên các hành tăng trưởng. Vì hành tăng trưởng nên hữu đời sau sẽ tăng trưởng. Vì hữu đời sau tăng trưởng nên tụ tập sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, nãο và tụ tập thuần một khối khổ lớn.

“Nếu đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ thì vì không tham không hỷ nên thức ăn không trụ, không tăng trưởng; vì thức ăn không trụ, không tăng trưởng nên nó không nhập vào danh sắc; vì không nhập vào danh sắc nên hành không tăng trưởng; vì hành không tăng trưởng nên hữu đời sau không sanh, không lớn; vì hữu đời sau không sanh không lớn nên không khởi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, nãο ở đời vị lai và thuần một khối khổ đã tụ tập sẽ diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 375. HỮU THAM (2)<sup>31</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

<sup>29.</sup> S. 12. 64. Atthirāgo.

<sup>30.</sup> Pāli: yaṭṭhā paṭṭhitāṭṭha viññāṇam virūḍham aṭṭhi tattha nāmarūpassa avakkan ti, nơi nào có thức trụ và tăng trưởng, nơi đó danh sắc thác vào (hiện ra). Bản Hán: *thức nhập danh sắc*. Pāli: *danh sắc nhập thức*.

<sup>31.</sup> Xem kinh 373 và các kinh sau.

“Có bốn loại thức ăn giúp ích chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời, đó là: một đoàn thực, hai là xúc thực, ba là ý tư thực, bốn là thức thực. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì ắt phải có ưu bi, có trần cấu. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì ắt không có ưu bi, cũng không có trần cấu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 376. HỮU THAM (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.

“Ví như lâu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông, ánh sáng chiếu trên vách phía Tây. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ (*như đã nói rộng ở trước cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn*). Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ... (*như đã nói rộng ở trước cho đến thuần một khối khổ lớn tụ tập diệt đi*).

“Các Tỳ-kheo, ví như lâu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông sẽ chiếu vào đâu?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Rọi vào vách phía Tây.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu không có vách phía Tây, thì mặt trời sẽ chiếu vào đâu?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Mặt trời sẽ chiếu sáng hư không, không có chỗ duyên vào.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ, thì thức không có chỗ trụ, cho đến thuần một khố khổ lớn đã tụ tập bị diệt.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 377. HỮU THAM (4)<sup>32</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng năm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khố khổ lớn.

Này các Tỳ-kheo, ví như lầu các cung điện Bắc, Tây dài rộng; Đông, Tây có cửa sổ. Mặt trời mọc ở hướng Đông sẽ chiếu sáng hướng nào?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Sẽ chiếu sáng ở vách phía Tây.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng vậy, đối với bốn loại thức ăn mà có tham, có hỷ, thời thức trụ và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khố khổ lớn. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì thức cũng không trụ, tăng trưởng; cho đến thuần một khố khổ lớn đã tụ tập bị diệt.

“Này các Tỳ-kheo, ví như họa sư và học trò của họa sư, gom các màu sắc muốn tô điểm vẽ vời giữa hư không, thì có thể vẽ được không?”

---

<sup>32.</sup> Xem kinh 375, 376 trên.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch không thể được. Vì sao? Vì hū không này không phải sắc, không có đối ngại, không thể thấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng cho đến thuần một khố khổ lớn đã tụ tập bị diệt như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 378. HỮU THAM (5)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng năm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trù và tăng trưởng cho đến tụ tập thuần một khố khổ lớn.

“Này các Tỳ-kheo, thí như họa sư hoặc đệ tử của họa sư gom các màu sắc, muốn trang trí vẽ vời những hình ảnh trên sắc chất. Các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Họa sư này hoặc đệ tử của ông này có thể dùng màu sắc trang trí vẽ vời trên sắc chất được không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy, họ có thể trang trí vẽ vời trên sắc chất.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức trù và tăng trưởng... cho đến tụ tập thuần một khố khổ lớn. Nay các Tỳ-kheo, nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng,... cho đến thuần một khố khổ lớn đã tụ tập bị diệt. Nay các Tỳ-kheo, ví như họa sư hoặc đệ tử của họa sư gom các màu sắc, mà muốn không cần sắc chất để trang trí

vẽ vời các hình ảnh, thì có thể vẽ vời được không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, không thể được."

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, nếu đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ, thì không có thức tồn tại, tăng trưởng,... cho đến thuần một khối khổ lớn đã tụ tập bị diệt."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 379. CHUYỂN PHÁP LUÂN<sup>33</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

"Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác<sup>34</sup>. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là vốn pháp chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết<sup>35</sup>, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

"Đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhẫn, trí, minh, giác.

"Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng;

<sup>33</sup>. Ấm Thuận, Tụng 3 Tập nhân duyên, "4. Tương ứng đế", gồm một trăm năm mươi kinh, nhưng chỉ sáu mươi lăm kinh có nội dung; Đại Chánh 379-443. phần lớn tương đương Pāli S.56. Sacca-Samyutta. Pāli, S. 56. 11- 12. Tathāgatena vuttā.

<sup>34</sup>. Pāli: idam dukkham ariyasaccan ti me, bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum udapādi, nāṇam udapādi, paññāṇam udapādi vijjā udapādi, āloko udapādi, Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế, trong các pháp mà trước đây Ta chưa từng nghe, phát sanh nhẫn, phát sanh trí, phát sanh tuệ, phát sanh minh, phát sanh ánh sáng.

<sup>35</sup>. Tri đương phục tri 知 當 復 知.

là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế đã biết, đã xuất<sup>36</sup>, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn<sup>37</sup>, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất<sup>38</sup>; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

“Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất<sup>39</sup>; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãm, trí, minh, giác.

“Này các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành<sup>40</sup>, Ta nếu không sanh nhãm, sanh trí, sanh minh, sanh giác, thì ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các

<sup>36</sup>. Dī tri dī xuất 已知已出. Pāli: tam̄ kho panidam̄ dukkham̄ ariyasaccam̄ pariññeyyanti me, (...), tam̄ kho panidam̄ dukkham̄ ariyasaccam̄ pariññātan̄ ti me, Khổ Thánh đế này, cần biến tri, Ta đã biến tri.

<sup>37</sup>. Dī tri dī đoạn xuất 已知已斷出. Pāli: (...) idam̄ dukkhasamudayam̄ ariyasaccam̄ pahātabban̄ ti me (...) pahīnanti me; đây là Khổ tập Thánh đế cần phải đoạn, Ta đã đoạn.

<sup>38</sup>. Dī tri dī tác chứng xuất 已知已作證出. Pāli: (...) idam̄ dukkhanirodham̄ ariyasaccam̄ sacchikātabbanti me (...) sacchikatanti me, đây là Khổ diệt Thánh đế cần chứng, Ta đã chứng.

<sup>39</sup>. Dī tri dī tu xuất 已知已修出. Pāli: (...) idam̄ dukkhanirodhagāminT paṭipadā ariyasaccam̄ bhāvetabbanti me (...) bhāvitanti me, đây là Khổ diệt đạo Thánh đế cần tu, Ta đã tu.

<sup>40</sup>. Tam chuyển thập nhị hành 三轉十二行. Pāli: tiparivattam̄ dvādasākāram̄, ba vận chuyển, mười hai hình thái (hành tướng).

chúng nghe pháp<sup>41</sup>, Ta không bao giờ được coi là đã giải thoát, đã xuất ly và cũng không tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với bốn Thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành, Ta sanh nhã, sanh trí, sanh minh, sanh giác; do đó, ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp, Ta đã đã giải thoát, đã xuất ly và tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này, Tôn giả Kiều-trần-như<sup>42</sup> cùng tám vạn chư Thiên xa lìa trần cầu, được mắt pháp thanh tịnh."

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Kiều-trần-như:

"Biết pháp chưa?"

Kiều-trần-như bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn, đã biết."

Lại hỏi Tôn giả Kiều-trần-như<sup>43</sup>:

"Biết pháp chưa?"

Câu-lân bạch Phật:

"Bạch Thiện Thệ, đã biết."

Vì Tôn giả Câu-lân đã biết pháp cho nên gọi là A-nhã Câu-lân<sup>44</sup>.

Sau khi Tôn giả A-nhã Câu-lân đã biết pháp, Địa thần xuống lên rầm:

"Các Nhân giả, Đức Thế Tôn ở trong trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại, đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho Trời, Người, làm tăng thêm số chúng cõi Trời, giảm bớt chúng A-tu-la."

Địa thần xuống lên xong, vọng đến các thần hư không, vua trời Tứ thiêng, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, lần lượt truyền xuống, trong

<sup>41</sup>. Pāli: sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya, trong thế giới gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cùng giữa quần sanh loại gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, các trời và con người.

<sup>42</sup>. Trong bản: Kiều-trần-như 橋陳如, nhưng đoạn dưới, phiên âm là Câu-iân. Pāli: Koṇḍañña.

<sup>43</sup>. Trong nguyên bản: Câu-lân 拘鄰.

<sup>44</sup>. A-nhã Câu-lân 阿若拘鄰. Pāli: Aññāta-Koṇḍañña.

khoảnh khắc, lại vọng đến cõi Phạm thiên, nghe truyền vang âm thanh rền:

“Các Nhân giả, Đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho trời, người, làm tăng thêm số chúng cõi trời, giảm bớt chúng A-tu-la.”

Vì Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại chuyển pháp luân, cho nên kinh này được gọi là kinh Chuyển pháp luân<sup>45</sup>.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 380. TỨ ĐẾ (1)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 381. TỨ ĐẾ (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu

---

<sup>45</sup>. Chuyển pháp luân kinh 轉法輪經 . Pāli: Dhamma cakkappa vattanasuttam.

Tỳ-kheo nào đối với bốn Thánh đế mà chưa hiện quán<sup>46</sup>, thì phải nên tu tập hiện quán, khởi ý muốn tăng thượng, nỗ lực tìm phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học<sup>47</sup>."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 382. ĐƯƠNG TRI<sup>48</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế nên biết, nên hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế nên biết, nên đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế nên biết, nên chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của khổ Thánh đế nên biết, nên tu<sup>49</sup>."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 383. DĨ TRI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế

<sup>46</sup>. Nguyên Hán: vô gián đẳng.

<sup>47</sup>. Nguyên bản: giác 覺. Trưởng lão Ấn Thuận sửa lại là học 學.

<sup>48</sup>. S. 56. 29. Abhiñeyyam (cần được thắng tri).

<sup>49</sup>. Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu<sup>50</sup>. Như vậy, Tỳ-kheo đoạn ái dục, cởi bỏ các kết sử, đối với mạn, chứng đắc hiện quán<sup>51</sup>, đến nơi tột cùng của mé khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 384. LẬU TẬN<sup>52</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc đã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nai. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu<sup>53</sup>. Như vậy, Tỳ-kheo này được gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, lìa các gánh nặng, đã đạt được mục đích mình<sup>54</sup>, hết sạch các kết sử, chánh trí, khéo giải thoát.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>50.</sup> Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

<sup>51.</sup> Nguyên văn: *u mạn vô minh đẳng* 於 慢 無 明 等 (đối với mạn và vô minh mà cứu cánh khổ biền); Ān Thuận sửa lại là *u mạn vô gián đẳng* 於 慢 無 間 等, theo định nghĩa của kinh. Xem các kinh 23, 24: *đoạn trừ ái dục, chuyển khứ chư kết, chánh vô gián đẳng*; kinh 107: *u mạn khởi vô gián đẳng*.

<sup>52.</sup> S. 56. 25. Āsavakkhayo.

<sup>53.</sup> Xem kinh 379 và các cht. 34-37.

<sup>54.</sup> Đãi đắc kỷ lợi 達 得 己 利.

### KINH 385. BIÊN TẾ<sup>55</sup>

Tôi nghe như vậy:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu<sup>56</sup>. Như vậy, Tỳ-kheo này đạt đến tận cùng cứu cánh, tận cùng lìa hết cầu nihilism, tận cùng phạm hạnh đã hoàn thành, thuần nhất trong sạch, được gọi là Thượng sĩ<sup>57</sup>.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 386. HIỀN THÁNH (1)

Tôi nghe như vậy:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Như vậy, Tỳ-kheo không còn then khóa, san bằng thành hào, vượt qua các hiểm nạn, cởi mở các ràng buộc, được gọi là Hiền thánh dựng ngọn cờ Thánh<sup>58</sup>.”

<sup>55</sup>. Xem kinh 384 trên.

<sup>56</sup>. Xem kinh 379 và các cht.. 34-37.

<sup>57</sup>. Thượng sĩ 上士; Pāli: uttamapurisa?

<sup>58</sup>. Tham chiếu Trung A-hàm kinh 200; Pāli, M. 200. Alagadūpama-sutta: ayañ vuccati, bhikkhave, bhikkhu ukhittā pāligho itipi, sañkīṇaparikkho itipi, abbūñhesiko itipi, niraggañō itipi, ariyo pannaddhajo pannabhāro visamayutto itipi, Tỳ-kheo như vậy được gọi là vị đã dẹp bỏ chướng ngại vật, lấp bằng giao thông hào, nhổ bỏ cọc trụ, tháo bỏ then khóa. Xem giải thích kinh tiếp.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 387. HIỀN THÁNH (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Như vậy, Tỳ-kheo không còn then khóa, san bằng thành hào, vượt qua các hiểm nạn, cởi mở các ràng buộc, được gọi là Hiền thánh dựng ngọn cờ Thánh<sup>59</sup>. ”

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là không còn then khóa<sup>60</sup>? Năm hạ phần kết sủ<sup>61</sup> đã lìa, đã biết; đó gọi là không còn then khóa.

“Thế nào là san bằng thành hào<sup>62</sup>? Hào sâu vô minh đã đoạn, đã biết; đó gọi là san bằng thành hào<sup>63</sup>.

“Thế nào là vượt qua các hiểm nạn<sup>64</sup>? Giải thoát sanh tử, tận cùng mé khổ<sup>65</sup>; đó gọi là vượt qua các hiểm nạn.

<sup>59</sup>. Xem cht.58, kinh 386.

<sup>60</sup>. Vô hữu quan kiện 無有關鍵 . Pāli: niraggaṇo, vị đã tháo bỏ then cửa.

<sup>61</sup>. Ngũ hạ phần kết, năm kết sủ dẫn tái sanh Dục giới (hạ giới): thân kiến, nghĩ, giới cấm thủ, tham, sân; xem Trường A-hàm kinh 7. Pāli, D. 33. Saṅgīti, pañc'oram-bhāgiyāni samyojanāni: sakkāya-dīṭṭhi, vicikicchā, siṭṭabbata-parāmāso, kāmacchando, vyāpādo.

<sup>62</sup>. Bình trị thành tiệm 平治城塹 . Pāli: saṃkīṇha-parikkha, lấp đầy các hào rãnh.

<sup>63</sup>. Bản Pāli: saṃkīṇparikkho (...) ponobbhaviko jatisaṃsāro pahīno hoti, đã lấp đầy các hào rãnh, là đã đoạn trừ vòng luân chuyển tái sanh.

<sup>64</sup>. Pāli: ukkhitta pāligho, đã dẹp bỏ chướng ngại vật.

<sup>65</sup>. Pāli: ukkhitta pāligho (...) avijjā pahīna hoti, đã dẹp bỏ chướng ngại, là đã đoạn trừ vô minh.

“Thế nào là cởi mở các ràng buộc<sup>66</sup>? Ai đã đoạn, đã biết<sup>67</sup>.

“Thế nào là dựng ngọn cờ Thánh đạo<sup>68</sup>? Ngã mạn đã đoạn<sup>69</sup>, đã biết; đó gọi là dựng ngọn cờ Thánh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 388. NGŪ CHI LỤC PHẦN<sup>70</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

“Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Tỳ-kheo đối với Khổ Thánh đế đã biết, đã hiểu; đối với Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn; đối với Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của Khổ Thánh đế đã biết, đã tu. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn năm chi, thành sáu phần, thủ hộ một, nương dựa vào bốn, trừ bỏ các đế, lìa các đường ngả tư, chứng các giác tưởng, tự chính mình tạo tác, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, thuần nhất trong sạch, đó gọi là Thượng sĩ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

<sup>66</sup>. Giải thoát kết phược 解 脫 結 紛 . Pāli: abbhūṭhesika, đã nhổ bỏ cọc trụ.

<sup>67</sup>. Pāli: abbhūṭhesiko (...) taṇhā pahīno hoti, đã nhổ bỏ cọc trụ, là đã đoạn trừ khát ái.

<sup>68</sup>. Kiến lập Thánh tràng 建 立 聖 幢 . Pāli: ariyo pannaddhajo pannabhāro visam̄yutto, là vị Thánh đã hạ cờ, trút gánh nặng, bứt ràng buộc.

<sup>69</sup>. Pāli: asmimāno pahīno, đoạn trừ phước cảm “tôi hiện hữu” (ngã mạn).

<sup>70</sup>. S. 56. 13. Khandha; 14. Āyatana.

### KINH 389. LUƯƠNG Y

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp, nếu thành tựu thì được gọi là bậc Đại y vương, đầy đủ các chi phần cần phải có. Những gì là bốn? Một là khéo biết bệnh; hai là khéo biết nguyên nhân của bệnh; ba là khéo biết cách đối trị bệnh; bốn là khéo biết trị bệnh để về sau bệnh không còn tái phát nữa.

“Thế nào gọi là lương y khéo biết bệnh? Lương y biết rành các chủng loại bệnh như vậy, như vậy; đó gọi là lương y khéo biết bệnh.

“Thế nào là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh? Lương y biết rành bệnh này do gió gây nên, do đàm ẩm gây nên, nước nhớt nước dãi gây nên, khí lạnh gây nên, do các sự việc hiện tại gây nên, do thời tiết gây nên; đó gọi là lương y khéo biết căn nguyên của bệnh.

“Thế nào là lương y khéo biết cách đối trị bệnh? Lương y biết rành các loại bệnh, nên thoa thuốc, nên cho mửa, cho xổ, nên nhổ mũi, nên xông, nên cho ra mồ hôi; và những cách đối trị đại loại như vậy; đó gọi là lương y khéo biết cách đối trị.

“Thế nào là lương y khéo biết trị bệnh rồi về sau bệnh không còn tái phát nữa? Lương y khéo trị tất cả các chứng bệnh, khiến dứt trừ hoàn toàn, vĩnh viễn không tái phát trở lại sau này nữa; đó gọi là lương y khéo biết trị bệnh không còn tái phát nữa.

“Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác là Bậc Đại Y vương đã thành tựu bốn đức, chữa lành bệnh chúng sanh cũng lại như vậy. Bốn đức là gì? là Như Lai biết như thật đây là Khổ Thánh đế; biết như thật đây là Khổ tập Thánh đế; đã biết như thật đây là Khổ diệt Thánh đế, biết như thật đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

“Này các Tỳ-kheo, các lương y thế gian không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc sanh, không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là vị Đại Y vương, biết như thật cách đối trị với cội gốc sanh,

lão, tử, ưu, bi, khổ, nǎo. Vì thế nên Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác được gọi là Đại Y vương.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 390. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (1)<sup>71</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Thánh đế về khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chẳng phải là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn. Những người ấy, đối với nghĩa của Sa-môn, nghĩa Bà-la-môn, không thể trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng rằng<sup>72</sup> ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, biết như thật Thánh đế về về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, thì nên biết các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chính là Sa-môn của Sa-môn, là Bà-la-môn của Bà-la-môn; những người ấy, đối với nghĩa của Sa-môn, nghĩa Bà-la-môn, trong đời hiện tại tự tri tự tác chứng rằng ‘Ta, sự sanh đã dứt,

<sup>71</sup>. S. 56. 12. Vajji (Koṭigāma).

<sup>72</sup>. Tham chiếu kinh 352. Pāli, tham chiếu S. 12. 13; 56.12, na me te, bhikkhave, samaṇā vā brāhmaṇā vā samaṇesu vā samaṇasamatā brāhmaṇesu va brāhmaṇasamatā; na ca pana te āyasmanto sāmaññatthaṁ vā brāhmaññatthaṁ vā dittheva dhamme sayam abhiññā sacchikatvā... Các Sa-môn, Bà-la-môn này không phải những Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh giữa các Sa-môn, Bà-la-môn; đối với mục đích của các Sa-môn, Bà-la-môn này, ngay trong đời này, không bằng thắng trí mà tự mình chứng nghiệm (...).

phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế hiện quán, nên khởi lòng mong muốn hơn lên, tinh cần, nỗ lực, phương tiện tu học. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 391. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (2)<sup>73</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

*Nói rộng như trên, chỉ có một vài sự sai biệt là:*

“Nếu không biết như thật bốn Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này chẳng phải Sa-môn số, chẳng phải Bà-la-môn số<sup>74</sup>. Nếu biết như thật đối với Thánh đế, thì Sa-môn, Bà-la-môn này...” cho đến,

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 392. NHƯ THẬT TRI<sup>75</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Thánh đế về khổ này, không biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này,

<sup>73</sup>. Xem kinh 390.

<sup>74</sup>. Phi Sa-môn số, phi Bà-la-môn số 非 沙 門 數 非 婆 羅 門 數. Pāli: na (...) samaṇasamkhyā, brāhmaṇasamkhyā, không đúng danh nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn.

<sup>75</sup>. Xem kinh 390.

không biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không thoát được khổ.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về sự tập khởi của khổ này, biết như thật Thánh đế về sự diệt tận của khổ này, biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến sự diệt tận của khổ này, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thoát được khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Cũng như đối với Khổ không giải thoát và giải thoát, chi tiết như trên; cũng vậy:*<sup>76</sup>

- *Đối với (xả) đường ác không giải thoát và giải thoát.*
- *Có thể xả giới thoái giảm và không xả giới thoái giảm.*
- *Có thể tự tuyên bố đã chứng đắc pháp thương nhân và không thể tự tuyên bố đã chứng đắc pháp thương nhân.*
- *Có thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu phước điền tốt và không thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu phước điền tốt.*
- *Có thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu bậc Đại sư và không thể ngoài (chánh pháp) này mà tìm cầu Đại sư.*
- *Không thể vượt qua khỏi khổ và có thể vượt qua khỏi khổ.*
- *Không thể thoát khổ và có thể thoát khổ.*

Như những kinh trên đều lập lại tiếp theo bảng kê:

*“Nếu không biết cái khổ  
Và nhân các khổ này;  
Và tất cả pháp khổ  
Tịch diệt trọn không còn;  
Nếu không biết dấu đạo,  
Tư duy<sup>77</sup> tất cả khổ;  
Không có tâm giải thoát;  
Tuệ giải thoát cũng không,*

<sup>76</sup>. Tóm tắt bảy kinh.

<sup>77</sup>. Nguyên bản: *tư* 情. Ấn Thuận nghĩ là chữ *tức* 息: dập tắt.

*Không thể vượt các khổ,  
Để cứu cánh thoát khổ.  
Nếu biết khổ như thật;  
Cùng biết nhân các khổ;  
Và tất cả các khổ  
Tịch diệt hết không còn;  
Nếu lại biết như thật,  
Đáu đao của dứt khổ,  
Ý giải thoát đầy đủ,  
Tuệ giải thoát cũng vậy,  
Có thể vượt các khổ,  
Cứu cánh được giải thoát.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 393. THIỆN NAM TỬ<sup>78</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có thiện nam tử, chánh tín, không gia đình, xuất gia học đạo<sup>79</sup>, thì tất cả điều cần làm là cần biết pháp bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế, nếu chưa hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện tu tập hiện quán.”

Cũng như chương cú này, tất cả kinh bốn Thánh đế, đều nên nói đầy đủ như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

<sup>78</sup>. Pāli, S. 56. 3-4. Kulaputta.

<sup>79</sup>. Chánh tín phi gia xuất gia học đạo 正信 非家出家學道. Pāli (định cú): agārasmā anagāriyaṃ pabbajati.

*Các kinh với nội dung: Biết như vậy, thấy như vậy, hiện quán như vậy, cũng nói như trên.<sup>80</sup>*

*Lại nữa, cũng như kinh trên, với nội dung thêm bớt như sau:*

“Đoạn tận ba kết, đắc quả Tu-dà-hoàn. Tất cả nên biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy<sup>81</sup>. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”

(...)

“Nếu ba kết sử đã đoạn tận, tham, nhuế, si mỏng, chứng đắc Tư-dà-hàm. Tất cả đều biết như thật đối với bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy.(...)”<sup>82</sup> cũng nói như trên.

(...)

“Nếu năm hạ phần kết đã đoạn tận, chứng đắc A-na-hàm hạng Sanh Bát-niết-bàn<sup>83</sup>, không còn tái sanh vào cõi thế gian này nữa. Tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy. (...)" cũng nói như trên.

(...)

“Nếu tất cả lậu đã đoạn tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời, tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy. (...)" cũng nói như trên.

<sup>80</sup>. Tóm tắt có hai kinh.

<sup>81</sup>. Tóm tắt có ba kinh.

<sup>82</sup>. Tóm tắt có ba kinh.

<sup>83</sup>. Sanh Bát-niết-bàn; năm hạng Bất hoàn, đây chỉ nêu một.

(...)

“Nếu chứng được đạo Bích-chi-phật, tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy.” cũng nói như trên.

(...)

“Nếu đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều cần biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nên biết như vậy, nên thấy như vậy và hiện quán như vậy.” cũng nói như trên.

“Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”

\*\*  
\*

### KINH 394. NHẬT NGUYỆT (1)<sup>84</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như mặt trời mọc, ánh sáng hiện trước. Cũng vậy, chân chánh diệt tận khổ cũng có dấu hiệu xuất hiện trước<sup>85</sup>; tức là biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>84</sup>. Pāli, S. 56. 38. Suriyapamā.

<sup>85</sup>. Pāli: yato ca kho, bhikkhave, tathāgato loke uppajjati (...) atha mahato ālokassa pātubhāvo (...): Như Lai xuất hiện trong đời, ánh sáng vĩ đại xuất hiện (đó là bốn Thánh đế).

## KINH 395. NHẬT NGUYỆT (2)<sup>86</sup>

Tôi nghe như vậy:

Khi Đức Phật ở trong vườn Nai, chỗ ở của Tiên nhân, nước Ba-la-nại, thì bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu mặt trời, mặt trăng không xuất hiện giữa thế gian, tất cả các vì tinh tú cũng không xuất hiện giữa thế gian này, thì ngày và đêm, nửa tháng, thời tiết, số năm, thời khắc, khoảnh khắc, tất cả đều không xuất hiện. Như thế, thế gian sẽ luôn luôn tối tăm, không có ánh sáng, chỉ có đêm dài, thuần là một khói mù tối lớn hiện ra ở thế gian.

“Nếu Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian, không nói về Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thế gian này sẽ mù tối, không có ánh sáng chiếu rọi, như thế đêm dài thuần là bóng tối trùm khắp thế gian.

“Nếu mặt trời, mặt trăng xuất hiện ở thế gian, các tinh tú cũng xuất hiện, ngày và đêm nửa tháng, thời tiết, số năm, thời khắc, khoảnh khắc, tất cả đều xuất hiện ở thế gian. Cũng thế, Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian nói Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì thế gian không còn tối tăm và đêm dài được soi sáng, thuần nhất, trí tuệ sẽ hiện ra ở thế gian.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

## KINH 396. THÁNH ĐỆ TỬ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như mặt trời xuất hiện, đi vòng khắp giữa không trung, phá

---

<sup>86</sup>. Pāli, như kinh 394.

tan mọi tăm tối, ánh sáng chiếu rõ. Cũng vậy, Thánh đệ tử, có những pháp tập khởi, tất cả đều diệt hết rồi, xa lìa các trần cấu, sanh được măt pháp cùng sanh với hiện quán, đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đoạn tận, gọi là Tu-dà-hoàn, không rơi vào đường ác pháp, chắc chắn hướng đến Chánh giác, bảy lần qua lại cõi trời, cõi người, rồi giải thoát được khổ. Thánh đệ tử kia, trong lúc đó tuy có khởi lên ưu, khổ, chỉ nghe nói Thánh đệ tử kia ly dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, đầy đủ an trụ Sơ thiền; chứ không thấy Thánh đệ tử kia có một pháp không đoạn, để có thể khiến tái sanh vào đời này. Ở đây, đệ tử của bậc Thánh này được nghĩa lớn của măt pháp. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này nếu chưa hiện quán thì nên siêng năng, tinh cần tìm phương tiện, khởi ý muốn tinh tấn tu học.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 397. KHU-ĐÈ-LA<sup>87</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu ai nói như vầy ‘Tôi đối với Khổ Thánh đế chưa hiện quán; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán,’ mà lại nói ‘Tôi sẽ đạt được hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế’.<sup>88</sup> Lời nói này không đúng. Vì sao? Vì không có điều này. Nếu Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này không thể có được. Vì

<sup>87</sup>. S. 56. 32. Khadira.

<sup>88</sup>. ... vị vô gián đẳng... 未無間等 . Pāli: aham dukkham ariyasaccam yathābhūtam anabhisamecca,..., dukkhanirodhagāminī paṭipadām ariyasaccam yathābhūtam anabhisamecca, sammā dukkhassantam karissāmīti, tôi chưa chân thật hiện quán Khổ Thánh đế,..., chưa chân thật hiện quán đạo tích diệt Khổ Thánh đế, nhưng tôi sẽ chân chánh diệt tận khổ.

như có người nói: ‘Tôi muốn lấy lá khư-đề-la<sup>89</sup> kết lại làm thành món đồ đựng nước để mang đi.’ Điều này không thể có được. Vì sao? Vì không có điều này. Hay nói như vậy: ‘Tôi đối với Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, chưa hiện quán mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế chưa hiện quán’, điều này cũng không thể có được.

“Nếu lại nói: ‘Tôi sau khi hiện quán Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, sẽ chứng đắc hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế’, đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì việc này có thể có được. Nếu Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, đã được hiện quán rồi, mà muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này có thể có được. Ví như có người nói: ‘Tôi lấy lá bát-dàm-ma<sup>90</sup>, lá ma-lâu-ca<sup>91</sup> kết lại thành đồ đựng nước mang đi’, đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì điều này có thể có được. Như vậy, nếu nói rằng: ‘Tôi sau khi hiện quán Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt<sup>92</sup> Thánh đế, nay muốn đắc hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế’, đó là lời nói khéo. Vì sao? Vì điều này có thể có được. Nếu đối với Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, đã hiện quán và muốn hiện quán Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì điều này có thể có được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 398. NHÂN-ĐÀ-LA TRỤ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

<sup>89</sup>. Khu-đề-la 佉 提 羅 . Pāli: khadira, loại cây gỗ rất cứng (*Acacia Catechu*), nhựa dùng làm thuốc.

<sup>90</sup>. Bát-dàm-ma diệp 盆 曼 摩 葉 ; Pāli: padumapatta: lá sen. Nguyên bản chép nhầm là thuần-dàm-ma diệp 純 曼 摩 葉 .

<sup>91</sup>. Ma-lâu-ca 摩 樓 迦. Pāli: mālūvā (một giống khoai); Hán âm theo Skt. māluka, một loại cây (*Acimum Sanctum*).

<sup>92</sup>. S. 56. 39. Indakhilo.

“Như một cục bông gòn nhỏ, hay cục bông kiếp-bối, đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người<sup>93</sup>. Vì không biết như thật, nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

“Giống như cây trụ nhân-dà-la<sup>94</sup> dùng đồng thiếc làm nê, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### KINH 399. LUẬN XÚ<sup>95</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Giống như trụ đá dài mươi sáu khuỷu tay, được cắm sâu xuống

<sup>93</sup>. Pāli: te aññassa samanassa vā brāhmaṇassa vā mukhaṃ ullokenti, ‘ayam nūna bhavaṃ jānaṃ jānāti passaṃ passati’ti: các Sa-môn Bà-la-môn không có nhận thức ấy trong nhìn mặt mà nói, ‘vị tôn giả này biết và đang biết, thấy và đang thấy’.

<sup>94</sup>. Nhân-dà-la trụ 因陀羅柱 . Pāli: indakhīla, cột nêu ở cổng chợ.

<sup>95</sup>. S. 56. 40. Vādino (Vāditthika).

đất tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác ngược lại sanh ra lo khổ. Biết như thật, thấy như thật như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

#### KINH 400. THIỀU Y<sup>96</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Giống như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, liền khởi ý muốn mãnh liệt<sup>97</sup>, khẩn cấp dập tắt<sup>98</sup>. ”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chớ nên nói như vậy<sup>99</sup>! Hãy gác qua việc đầu và áo. Đối với bốn Thánh đế phải khởi ý muốn mãnh liệt, tinh tấn, siêng năng tìm phương tiện, tu tập hiện quán. Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, tu tập hiện quán. Vì sao?

“Này Tỳ-kheo, vì ở địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, luôn luôn bị

<sup>96</sup>. S. 56. 34. Cela.

<sup>97</sup>. Tăng thượng dục 增 上 欲. Pāli: adhimatto chando, ý muốn mãnh liệt.

<sup>98</sup>. Nguyên bản có thiếu: Phật hỏi các Tỳ-kheo, phải làm thế nào. Tỳ-kheo trả lời: khẩn cấp dập tắt. Phật nói tiếp.

<sup>99</sup>. Nguyên bản, câu này có vẻ thừa.

thiêu đốt mà các Tỳ-kheo không thấy đó là khổ cùng cực. Nếu như Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế mà chưa được hiện quán, Tỳ-kheo này nên nhẫn chịu khổ, lạc, ưu, bi; đối với bốn Thánh đế lại càng siêng năng tinh tấn tìm phương tiện, tu tập hiện quán, cần nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 401. BÁCH THƯƠNG<sup>100</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói với người ấy rằng: ‘Ông nếu muốn nghe pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi thương đâm vào; trưa, chiều lại cũng như vậy. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày nào cũng tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không?’ Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

<sup>100</sup>. Một trăm mũi giáo. Pāli, S. 56, 35. Sattisata.

## KINH 402. BÌNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC<sup>101</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Đối với bốn Thánh đế mà bình đẳng giác ngộ<sup>102</sup>, thì gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Những gì là bốn? Đó là Khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đối với bốn Thánh đế này, mà bình đẳng giác ngộ thì gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cho nên các Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

## KINH 403. NHƯ THẬT TRI<sup>103</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ma-kiết-dà, du hành trong nhân gian. Giữa Vương xá và Ba-la-lị-phất có một xóm Rừng trúc<sup>104</sup>; tại đây vua dựng một ngôi nhà Phúc đức. Bấy giờ cùng với đại chúng dừng lại nghỉ một đêm trong nhà này. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta cùng với các ông, đối với bốn Thánh đế mà không biết, không thấy, không tùy thuận giác<sup>105</sup>, không tùy thuận lãnh thọ<sup>106</sup>, cho nên phải dong ruỗi trường kỳ trong sanh tử. Những gì là bốn? Đó là Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

<sup>101</sup>. S. 56. 23. Sammāsambuddha.

<sup>102</sup>. Bình đẳng chánh giác. Pāli: abhisambuddhata, giác ngộ siêu việt.

<sup>103</sup>. S. 56. 21. Vajji.

<sup>104</sup>. Pāli gọi là xóm Koṭigāma.

<sup>105</sup>. Tùy thuận giác 隨順覺 . Pāli: anubodha, được giác ngộ một cách phù hợp, được giác tri, liễu giải, nhận thức chính xác.

<sup>106</sup>. Vô tùy thuận thọ 無隨順受 . Pāli: appativedha, chưa được quán triệt, thông đạt.

“Nhưng vì Ta cùng các ông đối với Khổ Thánh đế này đã tùy thuận giác tri, tùy thuận thâm nhập<sup>107</sup>, nên dứt các dòng hữu<sup>108</sup>, đoạn tận sanh tử, không tái sanh nữa; đối với Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã tùy thuận giác tri, tùy thuận thâm nhập, nên dứt các dòng hữu, đoạn tận sanh tử, không tái sanh nữa. Cho nên, các Tỳ-kheo nếu đối với bốn Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu tập hiện quán.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Ta thường cùng các ông,  
Trường kỳ lối sanh tử;  
Vì không thấy Thánh đế,  
Khổ lớn ngày càng tăng.  
Nếu thấy bốn Thánh đế,  
Dứt dòng biển hữu lớn,  
Sanh tử đã trừ hết,  
Không tái sanh đời sau.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*

#### KINH 404. THÂN-THỦ<sup>109</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian. Giữ Vương xá và Ba-la-lị-phất có một xóm Rừng trúc; tại đây vua dựng một ngôi nhà Phúc đức. Bấy giờ cùng với đại chúng dừng lại nghỉ một đêm trong nhà này. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy cùng Ta đi đến rừng Thân-thủ<sup>110</sup>”

<sup>107</sup>. Thuận nhập 順 入 ; ở trên nói: tùy thuận thọ.

<sup>108</sup>. Hữu lưu 有 流 , dòng xoáy của hữu; Pāli: bhavogha. Nhưng bản Pāli: ucchinnā bhatañhā, cắt đứt khát ái đối với hữu.

<sup>109</sup>. Pāli, S. 56. 31. Siṃsapā.

<sup>110</sup>. Thân-thủ lâm 申 恕 林 ; rừng cây siṃsapā (loại cây Dalbergia Sissoo).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đại chúng đi đến rừng Thân-thứ, rồi ngồi dưới bóng cây. Khi ấy, Đức Thế Tôn tay cầm nắm lá cây, hỏi các Tỳ-kheo:

“Lá cây trong nắm tay này nhiều hay lá cây trong rừng nhiều?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, lá cây trong nắm tay Phật rất ít, còn lá cây trong rừng thì nhiều vô lượng, gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần cho đến tính toán thí dụ cũng không thể so sánh.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta thành Đẳng chánh giác, những pháp mà Ta đã tự thấy, rồi tuyên thuyết<sup>111</sup> cho mọi người như lá cây trong tay. Vì sao? Vì pháp này<sup>112</sup> có lợi ích cho nghĩa<sup>113</sup>, có ích lợi cho pháp, ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cũng nhiều như lá cây trong rừng lớn, chánh pháp mà Ta tự mình chứng tri, thành Đẳng chánh giác, không được Ta nói ra, cũng nhiều như thế. Vì sao? Vì những pháp ấy<sup>114</sup> không lợi ích cho nghĩa, không ích lợi cho pháp, không ích lợi cho Phạm hạnh, minh tuệ chánh giác, hướng thẳng Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa được hiện quán thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 405. KHỔNG<sup>115</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, sáng sớm đắp y, mang bát vào thành Tỳ-

<sup>111</sup>. Trong bản: *định* thuyết 定 說. Có lẽ *tuyên* 宣 mà chép nhầm.

<sup>112</sup>. Chỉ pháp được tuyên thuyết.

<sup>113</sup>. Ích lợi cho mục đích. Pāli: *atthasaṃhitam*, liên hệ đến mục đích (giải thoát).

<sup>114</sup>. Những pháp không được công bố.

<sup>115</sup>. Lỗ khóa. Pāli, S. 56. 45. Vāla (cọng lông).

da-ly khất thực. Sáng sớm hôm ấy có đám đông thiếu niên Ly-xa<sup>116</sup> từ trong thành đi ra đến cửa tinh xá, đem cung tên tranh nhau bắn vào lỗ trống nơi cửa tinh xá<sup>117</sup>. Tất cả các mũi tên đều lọt vào lỗ trống nơi cửa. Tôn giả A-nan thấy vậy, lấy làm lạ, thắc mắc “Các thiếu niên Ly-xa này có thể làm được một việc khó khăn như vậy!”

Sau khi Tôn giả vào thành khất thực trở về, cất y bát, rửa chân rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, con đắp y mang bát vào thành Tỳ-da-ly khất thực, gặp có đám đông thiếu niên Ly-xa từ trong thành đi ra đến trước cửa tinh xá, đem cung tên tranh nhau bắn vào lỗ trống nơi cửa tinh xá. Tất cả các mũi tên đều lọt vào lỗ trống nơi cửa. Con nghĩ thầm ‘Kỳ diệu thật, các thiếu niên Ly-xa này, có thể làm được một việc khó khăn như vậy!’”

Phật bảo A-nan:

“Ngươi nghĩ thế nào? các thiếu niên Ly-xa tranh nhau bắn tên vào lỗ cửa và tất cả những mũi tên đó đều trùng vào. Việc này là khó hay chẻ một sợi lông thành trăm phần, rồi bắn trùng vào một phần sợi lông và tất cả những mũi tên đó đều trùng, là khó?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Nếu chẻ sợi lông thành trăm phần, rồi bắn vào một phần sợi lông, mỗi một phát đều trùng, điều này rất là khó.”

Phật bảo A-nan:

“Chưa bằng đối với Khổ Thánh để mà biết như thật, thì điều này mới thật là khó hơn. Cũng vậy, đối với Khổ tập Thánh để, Khổ diệt Thánh để, Khổ diệt đạo tích Thánh để mà thấy biết như thật, điều này mới thật sự là khó.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ rằng:

*Sợi lông chẻ trăm phần,  
Khó bắn trùng một phần.  
Quán mỗi một khổ ấm,  
Là phi ngã, khó hơn!*

<sup>116</sup>. Ly-xa đồng tử 離車童子. Pāli: Licchavikumāraka, con trai người Licchavi.

<sup>117</sup>. Tinh xá môn khổng 精舍門孔. Pāli: ālacakigalena, xuyên qua lỗ khóa.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### KINH 406. MANH<sup>118</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùm các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ví như đất liền đều biến thành biển lớn, có một con rùa mù, sống vô lượng kiếp; trăm năm mới trôi đầu lên một lần. Trong biển có một khúc gỗ nổi, chỉ có một lỗ hổng, lênh đênh trên sóng nước theo gió trôi nổi Đông Tây. Con rùa mù một trăm năm mới trôi đầu lên một lần kia, sẽ gặp được cái lỗ hổng này không?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao? Vì con rùa mù này, nếu đến biển phía Đông, thì khúc gỗ có thể theo gió, hoặc đến biển phía Tây, Nam, Bắc. Cũng vậy, bốn phía xung quanh không dễ gì gặp được.”

Phật bảo A-nan:

“Con rùa mù và khúc gỗ nổi tuy trái chiều nhau, nhưng có thể gặp được. Phàm phu ngu si phiêu lưu trong năm đường, tạm thời được thân người còn khó hơn việc trên. Vì sao? Vì những chúng sanh này không thực hành nghĩa này, không thực hành pháp, không thực hành điều lành, không thực hành chân thật, lần lượt sát hại lẫn nhau, kẻ mạnh lấn áp người yếu, tạo ra vô lượng điều ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, đối với bốn Thánh đế nếu chưa hiện quán, thì nên siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

---

<sup>118</sup>. Con rùa mù.

**LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 5**

**BỘ A-HÀM  
V**

---

**Tổng giám tu: Thích Tịnh Hạnh**

**Ban thực hiện:**

- Thích Tuệ Sỹ
- Thích Chánh Lạc
- Thích Đức Thắng
- Thích Bảo Quang
- Thích Tâm Hạnh
- Thích Tâm Khanh
- Thích nữ Huệ Hướng

**NOI XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH**  
**LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH và PHẬT QUANG ĐẠI TỬ ĐIỀN**

***Linh Son Cultural and Educational Foundation***

**\*GIẢNG ĐƯỜNG LINH SƠN**

3F, 7F, 21 Sec. 1, Chung - Hsiao, W.Road, Taipei-Taiwan, 100, R.O.C  
TEL: 886-2-2381-4434 / 2361-3015 / 2361-3016;  
FAX: 886-2-2314-1049

Điện thoại riêng của HT. Thích Tịnh Hạnh: 886-2-2663-2992

**\*Dùng CHECK hoặc MONEY ORDER,**  
Xin đề: **LI KUANG LIEN**, gởi theo hộp thư:  
P.O. BOX 8-264, Taipei – Taiwan, 100, R.O.C

**\*Nếu gởi ngân khoản xin đề: CITIBANK, N.A.,**  
NO.117, 2F, SEC.3, MIN-SHENG E. ROAD,  
TAIPEI-TAIWAN, R.O.C  
ACCOUNT NUMBER: 51362724  
BENEFICIARY: **LI KUANG LIEN**

- \* Mỗi một ngân phiếu , ngân hàng sẽ trừ chi phí thủ tục là 10.00 USD
- \* Xin Quý vị đề rõ ngân phiếu tên người lãnh là; **LI KUANG LIEN**
- \* Trên ngân phiếu xin Quý vị viết cẩn thận, ngân hàng không chấp nhận ngân phiếu đã bị bôi xóa.

**\*TAI VIỆT NAM Xin liên hệ:**

**\*Thầy BẢO QUANG (Lê Từ Vũ)**  
Chùa Pháp Bảo, 5/161, Xa lộ Hà Nội. P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 848-8-961-900

**\*Tài khoản xin đề: LÊ QUANG LIÊN (THÍCH TỊNH HẠNH)**  
Số Tài khoản: 83020405c (tiền Việt).  
Sở giao dịch II NHĐTPTVN, TP. HCM, Số 117, Nguyễn Huệ,  
Q. 1, TP. HCM, VIỆT NAM.

**\*TAI HOA KỲ và CANADA Xin liên lạc**

**\*VÕ THẮNG TIẾT** (Nhà sách văn nghệ)  
9351 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683 – USA  
Điện thoại: (714) 934-8574; Fax: (714) 934-8514

**\* (Tai nhà sách này có để những tập Đại Tang Kinh đã in xong)**

- Nếu Quý vị nào muốn trực tiếp gởi vào ngân khoản tại Hoa Kỳ xin đề:  
**LI KUANG LIEN**  
BANK OF AMERICA N. BRANCH: 2177  
N. ACCOUNT: 21774-09981
- Nếu Phật tử nào muốn cúng đường và có giấy miễn thuế (tax exempt) thì hãy gởi check hay money order về chùa Phổ Đà, xin đề:

**\*PHỐ ĐÀ BUDDHIST ASSEMBLY**  
5110 W. HAZARD AVENUE SANTA ANA, CA 92703 – USA  
Điện thoại: (714) 554-9785  
Fax: (714) 554-3852  
**Ghi chú:** xin ghi rõ Dịch và in Đại Tạng Kinh

**\*TAI CHÂU ÂU Xin liên lạc:**

**\*VĂN TUYẾT ( Sư Cô Thích Nữ Trí Minh)**  
**CHÙA LINH SƠN**  
146 Rue de Belfort, 68200 Mulhouse – FRANCE  
Điện thoại: 03-89-42-25-80  
(Nếu ngoài Pháp xin gọi: 33-3-8942-2580 )

**\*Sư Cô THÍCH NỮ TRÍ KIM và Sư cô LINH BÌNH**  
**TỰ VIỆN LINH SƠN**

9 Ave Jaurès 94340 Joinville-Le-Pont, France  
Điện thoại: 01-48-83-75-47; 01-4397 0437, Fax: 01-48-83-77-59

**\*TAI ÚC ĐÁI LỘI Xin liên hệ:**

**\*TANG NHI ( Sư cô Thích Nữ Trí Lưu)**  
**CHÙA LINH SƠN**  
89 Rowe Terrace, Darra, QLD 4076-AUSTRALIA  
Điện thoại: (07) 3375-4268  
(Nếu ngoài Úc, Xin gọi: 61-7-3375-4268)  
Fax: (07) 3375-3079 / 61-7-3375-3079

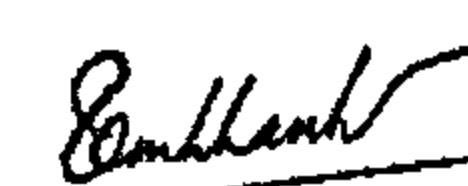
**\*Xin Quý vị chú ý:**

Nếu số ngân khoản trong ngân hàng đã chuyển tiền rồi, xin Quý vị  
đem giấy làm thủ tục ở ngân hàng có đề số tiền gởi tên người và địa chỉ, đánh Fax hoặc  
E-mail đến:

**\*GIẢNG ĐƯỜNG LINH SƠN**  
Số Fax: 886-2-2314-1049 hoặc gởi về hộp thư:  
P.O BOX 8-264 TAIPEI-TAIWAN – 100 .R.O.C  
Hoặc địa chỉ:  
**\*HT. THÍCH TỊNH HẠNH**  
7F. 21, Sec.1, Chung – Hsiao W. Road, Taipei – Taiwan, 100, R.O.C  
TEL: 886-2-2381-4434 /2361-3015 / 2361-3016  
E-Mail:linhson@ptps5.seed.net.tw

để nhận được giấy cảm tạ hoặc biên nhận, cũng như để tiện ghi vào sổ  
công đức và liên lạc, chứ ngân hàng không cho biết chi tiết.

*Xin cảm ơn Quý vị*



*Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH*

Mẫu bia mạ vàng: Nguyễn Đồng (California)